

MẪU SỐ 4A

HỒ SƠ MỜI THẦU MUA SẴM HÀNG HÓA QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

IB 2500328802-00

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Gói thầu mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Gói thầu mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

29/07/2025

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Quyết định số 777/QĐ-BV

MỤC LỤC**Mô tả tóm tắt****Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU****Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu****Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu****Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT****Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu****Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT****Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật****Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG****Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng****Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng****Hoặc Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)****Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung****Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung****Chương VIII. Thỏa thuận khung****Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG****Phụ lục. Các ví dụ**

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;

- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)

Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung

Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung

Chương VIII. Thỏa thuận khung

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo</p>

sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều

	<p>10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;</p> <p>h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
5. Tư cách	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

<p>hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được tham dự thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.4. Đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm, việc áp dụng mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thực hiện theo E-BDL.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3A (hoặc Phần 3B), Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p>

	<p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3A. Điều kiện hợp đồng¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; <p>Phần 3B. Thỏa thuận khung² (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung; - Chương VIII. Thỏa thuận khung; <p>Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị</p>

¹ Trường hợp áp dụng mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung thì bỏ phần này.

² Trường hợp không áp dụng mua sắm tập trung hoặc có áp dụng nhưng không sử dụng thỏa thuận khung thì bỏ phần này.

	<p>làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan</p>

	đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalog...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có); 10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	<i>Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa không phải là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau:</i>

13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá). Hệ thống tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu.

b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ

phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại **E-BDL**.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, Hệ thống trích xuất như sau:

13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện khối lượng công việc mà nhà thầu chào theo khả năng cung cấp (chưa tính giảm giá). Hệ thống tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 hoặc Mẫu số 11.2 Chương IV vào đơn dự thầu.

b) Một hoặc các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và một hoặc các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu nộp E-HSDT cho các công việc mà nhà thầu có khả năng cung cấp trong số các công việc nêu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho các công việc này trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu, trong mỗi phần nhà thầu có thể chào đủ số lượng, hạng mục theo yêu cầu của E-HSMT đối với phần đó hoặc chào theo số lượng, hạng mục mà nhà thầu có khả năng cung cấp (không đủ số lượng theo E-HSMT đối với phần đó). Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào

	<p>webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo khối lượng công việc nhà thầu đã chào. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSDT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại..</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho</p>

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

15.7. Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

15.8. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSMT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường.

15.9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.

15.10. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà

	<p>cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>15.11. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.</p> <p>16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín</p>

dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**, đối với gói thầu mua sắm

hàng hóa là mua sắm tập trung mà việc lựa chọn nhà thầu căn cứ theo khả năng cung cấp, bảo đảm dự thầu của nhà thầu tương ứng với giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu sau khi giảm giá (nếu có) với tỷ lệ bảo đảm dự thầu quy định tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của

Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài

	<p>liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi</p>

	<p>E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đòi chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của</p>

	<p>Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p>

	<p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung</p>

	<p>cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.</p> <p>28.2. Đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin, tiêu chí đối với sản phẩm phần mềm công nghệ thông tin sản xuất trong nước được hưởng ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, không yêu cầu về hàm lượng chi phí sản xuất trong nước theo quy định tại Mục 28.3 E-CDNT;</p> <p>28.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT: Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:</p> <p>Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$</p>

	<p>Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$</p> <p>Trong đó:</p> <p>G*: Là chi phí sản xuất trong nước</p> <p>G: Là giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa</p> <p>C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu</p> <p>D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>28.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 29.3 hoặc Mục 29.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm

trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III

- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại **E-BDL**;

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hạng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối

chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu

cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể

	<p>tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT;</p> <p>e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>g) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính từ năm 2021 trở đi, bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p>

a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;

b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);

đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;

e) Tài liệu khác (nếu có).

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.

30.3. Bên mời thầu gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải

	<p>ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Bên mời thầu cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong</p>

	<p>thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 E-CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu. - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên hàng hóa; - Công suất; - Tính năng, thông số kỹ thuật; ký mã hiệu, nhãn hiệu; - Xuất xứ; - Đơn giá trúng thầu. <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp</p>

	<p>trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng hàng hóa, dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>

đồng	<p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện huyện Nhà Bè [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>].
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>].</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Gói thầu mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè [<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>].</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị [<i>Theo E-TBMT</i>].
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu</i>]. + Chủ đầu tư: Bệnh viện huyện Nhà Bè, địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập thiết kế : Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn thẩm định giá: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn lập E-HSMT: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có [<i>ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)</i>]; + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới

	<p>gói thầu: Không có [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật²: _____ [Hệ thống trích xuất].</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên</p>
--	---

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

² Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất "(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi.

	<p>liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 5.4	<p><i>[Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc quyết định của người có thẩm quyền, Chủ đầu tư ghi “Có áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. Trường hợp có áp dụng nhà thầu phải cung cấp tài liệu để chứng minh việc áp dụng mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu.</i></p>
E-CDNT 7.5	<p>Hội nghị tiền đấu thầu: Không <i>[ghi “có” hoặc “không”]. Trường hợp “có” thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]</i></p>
E-CDNT 8	<p>Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 đồng<i>[Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành].</i></p>
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu <i>[ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với E-HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không yêu cầu”].</i></p>
E-CDNT 12.1	<p>Nhà thầu: Không được phép <i>[ghi “được phép” hoặc “không được phép”]</i> nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế. <i>[trường hợp chỉ cho phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế đối với phân công việc cụ thể của gói thầu thì phải nêu rõ các phân công việc mà nhà thầu được phép chào phương án kỹ thuật thay thế].</i></p>
E-CDNT 13.5	<p>Chào giá: ____ (Chủ đầu tư quy định theo một trong hai cách sau đây: - Theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV. - Theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV).</p>
E-CDNT 15.10	<p>Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Tối thiểu 12 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất <i>[ghi thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa trong giai đoạn đầu].</i></p>

E-CDNT 16.2

Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: “Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương” [*Chủ đầu tư ghi* “Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương” hoặc “Có yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là Giấy phép bán hàng)” *căn cứ vào tính chất của hàng hóa như sau:*

Đối với hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì không yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Đối với hàng hóa đặc thù, phức tạp cần sự khẳng định của nhà sản xuất, nhà cung cấp để đảm bảo tính khả thi trong việc cung cấp hàng hóa khi nhà thầu trúng thầu và cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như lắp đặt, bảo trì, đào tạo và các dịch vụ liên quan khác, trong E-HSMT có thể yêu cầu nhà thầu tham dự thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Trường hợp có yêu cầu về giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, Chủ đầu tư quy định nội dung sau: “Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà

	<p>thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSĐT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nêu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng”].</p>
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSĐT là: ≥ 150 ngày [trích xuất theo E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 13.651.255 đồng (tương đương 1,5%) (Bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm năm mươi một ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng)</p> <p>Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-</p>

	<p>CP nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 180 ngày</p> <p><i>(Trường hợp gói thầu được chia làm nhiều phần thì phải nêu rõ giá trị bảo đảm dự thầu của từng phần)</i></p>
E-CDNT 18.4	<p>Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt <i>[ghi cụ thể số ngày nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt]</i>.</p>
E-CDNT 18.9	<p>Bảo đảm dự thầu: <i>Theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật.</i></p>
E-CDNT 27.2	<p>Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0%_giá dự thầu của nhà thầu <i>[Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Bên mời thầu có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV. Tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ %]</i>.</p>
E-CDNT 28.4	<p>Cách tính ưu đãi: __</p> <p>a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p><i>“Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;</i></p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.</p> <p>b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p><i>“hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu trừ đi giá trị</i></p>

giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;

Đối với các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.

c) Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam được hưởng ưu đãi như sau:

“hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;

Đối với các hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay

	<p>bằng 10%.</p> <p>d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; - Sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; - Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; - Sản phẩm chip bán dẫn; - Sản phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ; - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu đãi trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.</p>
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt - Đánh giá về tài chính: <i>Phương pháp giá thấp nhất.</i>
E-CDNT 29.3(d)	<p>Cách thức thực hiện: ___ [<i>Hệ thống tự động hiển thị như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trường hợp chọn</i> "Theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV" Mục 13.5 E-BDL thì hiển thị: "Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)" - <i>Trường hợp chọn</i> "Theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B

	<p>hoặc 12.2C) Chương IV" Mục 13.5 E-BDL thì hiển thị: "Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT"].</p>
E-CDNT 29.3(d)	<p>Xếp hạng nhà thầu: [Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: ____ + Trường hợp chọn "Theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV" Mục 13.5 E-BDL thì hiển thị "nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất"; + Trường hợp chọn "Theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV" Mục 13.5 E-BDL thì hiển thị "nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất"; - Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất].
E-CDNT 31.4	<p>[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 E-BDL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: "nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất"; - Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: "nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất"]. <p>Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.</p> <p>Đối với trường hợp mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, [Hệ thống trích xuất như sau: "các nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị của hạng mục nhà thầu dự thầu theo thứ tự từ thấp đến cao cho đến khi tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT".]</p>
E-CDNT 34.1	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0% [ghi tỷ lệ % nhưng không vượt 10%];</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0% [ghi tỷ lệ % nhưng không</p>

	<i>vượt 10%].</i>
E-CDNT 34.2	<p>- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng [<i>ghi "có áp dụng" hoặc "không áp dụng" theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp "có áp dụng" thì ghi rõ tỷ lệ của khối lượng, số lượng mua thêm nhưng không vượt quá 30% của khối lượng hạng mục hàng hóa, dịch vụ tương ứng nêu trong Chương IV và phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i>];</p> <p>- Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0% [<i>ghi tỷ lệ %</i>].</p>
E-CDNT 38.2	<p>- Người có thẩm quyền: Nguyễn Hữu Thơ</p> <p>+ Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028) 37816570, Số Fax: (028) 37817068</p> <p>+ E-mail: bv_nhabe@yahoo.com.vn</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị:</p> <p>+ Địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính quản trị, địa chỉ 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028)37816572, Số Fax: (028) 37817068</p> <p>+ E-mail: thuylinh6486@gmail.com</p>
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Phòng Tài chính – Kế toán, địa chỉ 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028)37816571, Số Fax: (028) 37817068

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, bên mời thầu có thể lựa chọn để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm cho phù hợp. Đối với gói thầu có tính chất đơn giản có thể không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của khoản này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT).

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.264.005.138 ⁽⁷⁾ VND. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k” .				
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp vật dụng rẻ tiền cho cơ sở y tế, cơ quan¹⁰⁾; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 455.041.850 VND⁽¹¹⁾. <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.				

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà

thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03

năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã

HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiem thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối

lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **Y/1,25** và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$ đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác

định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu dự thầu, bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018.31.10** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405.10.20** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS **9018.90.30**, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS **9405.40.91**, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $50\% \times 1,64$ tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50$ máy $\times 30 / 180$ ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $\geq 50\% \times 400$ triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $\geq 50\% \times 100$ triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng (50% x (10 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng (50% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [50% x 12 tỷ đồng].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

+ Trường hợp 1: nếu $Z < 5.000.000.000$ VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

+ Trường hợp 2: nếu $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$ VND thì được đánh

giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.

+ Trường hợp 3: nếu $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.

+ Trường hợp 4: nếu $Z \geq 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

Bảng số 02 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm ____ ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính⁽⁵⁾					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁶⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽⁷⁾	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của ____ ⁽⁸⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁹⁾ VND. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k” _____.				
4	Năng lực sản xuất hàng hoá⁽¹⁰⁾	<p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: __ sản phẩm/01 tháng; <p>Hoặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: __ sản phẩm. <p>Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu) theo hệ số “k” _____.</p> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng	Phải thỏa mãn yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹¹⁾	<p>thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 	này			thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo

chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu

chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu;

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách

tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30 / 20) = 27.000$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương

này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phân hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phân hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Bảng X (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM***(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)*

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Lĩnh vực, chủng loại	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về doanh thu của từng phần được xác định theo công thức quy định tại ghi chú số (7) Bảng số 01, ghi chú (9) Bảng số 02 Chương này (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức).

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về quy mô hợp đồng tương tự đối với từng phần được xác định theo ghi chú số (11) Bảng số 01, ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

Bảng Y (Webform trên Hệ thống)**BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND)⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu⁽⁴⁾
1	Hàng hóa A				
2	Hàng hóa B				
3	Hàng hóa C				
...	...				

Ghi chú:

(1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.

(3) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.

(4) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu ⁽¹⁾

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất.	Có bảng chào về đặc tính, thông số kỹ thuật (chất liệu, màu sắc, kiểu dáng) của hàng hóa, hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (<i>xét theo Mục 1.2 – Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật – Phần 2 của E-HSMT</i>).	Đạt
	Không có bản chào về đặc tính, thông số kỹ thuật (chất liệu, màu sắc, kiểu dáng) của hàng hóa hoặc có bảng chào nhưng không đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT (<i>xét theo Mục 1.2 – Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật – Phần 2 của E-HSMT</i>).	Không đạt
2. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Nhà thầu cam kết: + Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư trong mỗi đợt. + Thời gian cung ứng hàng hóa sau khi nhận được dự trữ của bên mua tối đa trong vòng 48 giờ (bằng fax hoặc điện	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	thoại trong trường hợp khẩn cấp).	
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
3. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp hàng hóa		
Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, vận chuyển hàng hóa	Nhà thầu có thuyết minh về giải pháp cung ứng, vận chuyển hàng hóa phù hợp và khả thi. Có quy trình vận chuyển, kiểm soát chất lượng, bàn giao nghiệm thu cụ thể cho mặt hàng cung cấp.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành của hàng hóa: Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, đổi trả hàng hóa trong trường hợp hàng hóa bàn giao là hàng kém chất lượng		
Kế hoạch bảo hành, thay thế đổi trả hàng lỗi.	- Thời hạn bảo hành là: Thời gian bảo hành trên cơ sở hàng hóa còn hạn sử dụng. Nhà thầu đổi trả miễn phí những hàng hóa không đạt yêu cầu kể từ thời điểm bàn giao, nghiệm thu cho Chủ đầu tư. - Nhà thầu cung cấp kế hoạch bảo hành, bảo trì hàng hóa trong trường hợp sản phẩm bàn giao bị lỗi, hàng kém chất lượng và đáp ứng bảo hành/đổi trả trong thời gian tối đa 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.	Đạt
	- Không đáp ứng toàn bộ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
5. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu	Nhà thầu không bị kết luận: Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; hoặc không có hợp đồng bỏ dở; hoặc không vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải có cam kết đính kèm.	Đạt
	- Không đáp ứng toàn bộ các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận		Đạt/Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá)		X	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng hỗn hợp)		X	
4	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
5	Mẫu số 01E. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
6	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
7	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
8	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
9	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
10	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
11	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
12	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
13	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất			X

	hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)		
14	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt		X
15	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt		X
16	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
17	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ		X
18	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu		X
19	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ		X
20	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu		X
21	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp		X
22	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu		X
23	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)		X
24	Mẫu số 11.2. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)		X
25	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)		X
26	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)		X
27	Mẫu số 12.1C. Bảng giá dự thầu của hàng		X

	hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			
28	Mẫu số 12.2A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
29	Mẫu số 12.2B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
30	Mẫu số 12.2C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
31	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
32	Mẫu số 13B. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)			X
33	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
34	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X
35	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
36	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
37	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA***(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽⁴⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1								
2								
3								
...								

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa	Yêu cầu về xuất xứ hàng hoá (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
1	Bàn chải hình bàn chân	Cái	21	Chất liệu nhựa. Lông bàn chải mềm vừa phải. Thiết kế hình bàn chân dễ thương, nhỏ gọn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	03 ngày	07 ngày
2	Bản lề cửa nhôm	Cặp	10	Bản lề góc cửa nhôm, dùng cho cửa nhôm hệ 700 Kích thước (10x4)cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	03 ngày	07 ngày
3	Bản lề tự động 2 chiều	Cặp	10	Bản lề inox cao cấp 304, tự động đóng mở 2 chiều. Kích thước: 10cm. Độ dày cửa 30-35mm, Tải trọng 25-30kg. Góc Đóng mở: 180 độ		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	03 ngày	07 ngày

4	Băng keo điện đen	Cuộn	25	Được cấu tạo từ lớp màng film PVC và lớp keo rubber đặc biệt. Độ dày màng film và keo băng dính điện: 100micron. Độ dẫn dài băng dính điện: 200% Độ rộng băng dính điện: 18mm. Độ dài 20yards. Màu đen		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
5	Băng keo điện trắng	Cây	11	Được cấu tạo từ lớp màng film PVC và lớp keo rubber đặc biệt. Độ dày màng film và keo băng dính điện: 100micron. Độ dẫn dài băng dính điện: 200% Độ rộng băng dính điện: 18mm. Độ dài 20yards. Màu trắng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
6	Băng keo non vàng	Cuộn	50	Dùng dán các kẽ hở đường ống nước, rãnh, rãnh của thiết bị nước. Chất liệu: Poly tetra fluoro ethylene Vỏ cuộn: Nhựa màu vàng, lõi màu trắng. Kích thước: 0,075m x 0.1m x 20m.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
7	Bao nilon đựng rác vàng 44*55cm	Kg	113	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 44*55cm, có logo y tế theo quy định.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

8	Bao nilon đựng rác vàng 60*70cm	Kg	874	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 60*70cm, có logo y tế theo quy định.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
9	Bao nilon đựng rác vàng 90*120cm	Kg	202	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 90*120 cm, có logo y tế theo quy định.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
10	Bao nilon đựng rác xanh dương 44*55cm	Kg	223	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu xanh, kích thước 44*55cm, có logo y tế theo quy định.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
11	Bao nilon đựng rác xanh dương 60*70cm	Kg	1.045	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu xanh dương, kích thước 60*70cm, có logo y tế theo quy định.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

12	Bao nilon đựng rác xanh dương 90*120cm	Kg	780	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 50mic, màu xanh dương, kích thước 90*120cm, có logo y tế theo quy định.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
13	Bao Nilon rác tái chế 90*120 cm	Kg	280	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 50mic, màu trắng, kích thước 90*120cm, có logo y tế theo quy định .	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
14	Bao nilon trắng 10*15cm	Kg	29	Bao kiếng PP có độ trong suốt, bóng, đẹp, bền, dai. Độ dày 7zem. Kích thước: 10x15cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
15	Bao nilon trắng 7*12cm	Kg	90	Túi kiếng PP có độ trong suốt, bóng, đẹp, bền, dai. Độ dày 7zem. Kích thước: 7x12cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

16	Bao xốp đen loại 3 kg có quai	Kg	15	Chất liệu HDPE dẻo, màu đen có 2 quai xách. Kích thước đáy 30cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
17	Bao xốp trắng loại 0,5 kg có quai	Kg	154	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 15cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
18	Bao xốp trắng loại 1 kg có quai	Kg	745	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 20cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
19	Bao xốp trắng loại 10kg có quai	Kg	25	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 50cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

20	Bao xốp trắng loại 2kg có quai	Kg	60	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 24cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
21	Bao xốp trắng loại 5kg có quai	Kg	38	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 30cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
22	Bass L 10 cm	Cái	50	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 10cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
23	Bass L 15cm	Cái	50	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 15cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

24	Bass L 2cm	Cái	50	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 2cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
25	Bass Lavapo	Cặp	40	Chất liệu: thép không rỉ. Chịu lực tốt . Dùng gắn cho lavapo sứ .		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
26	Bình xịt côn trùng	Chai	105	Dùng diệt côn trùng, muỗi, gián. Mùi hương dịu nhẹ. Dung tích 600ml.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
27	Bộ 5 ống gen cách điện sợi thủy tinh 2,4,6,10,14mm chịu nhiệt cao (1 mét)	Mét	10	Sợi thủy tinh có tác dụng cách nhiệt và chống cháy cho các đầu nối dây tỏa nhiệt cao. Kích thước: phi 2, 4, 6, 10, 14*1m. Khả năng chịu nhiệt: từ -20°C đến 130°C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

28	Bộ Bóng đèn led 60 cm	Bộ	40	Đèn LED tuýp 12W, kích thước bóng dài 60cm + máng đèn led, MPE hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn. Quang thông (lm) : 1100 Màu ánh sáng (K) : 6500 Tuổi thọ (giờ) : 25.000		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
29	Bộ đàm	cái	1	Dải tần : UHF-M1: 440 – 480MHz Số kênh nhớ : 16 CH Công suất phát : 04 w Đáp ứng tiêu chuẩn IP - 54/55 về khả năng chịu nước, va đập, mưa, bụi của Quân đội Mỹ MIL - STD 810 Thiết kế thon, mỏng và rất nhẹ trọng lượng chỉ có 203 gam Kích thước : 54 x 113 x 24,9mm Công suất loa 500 mW / 8 Ω cho chất lượng âm thanh to và rõ ràng . Đồng bộ gồm: Thân máy, pin Lithium KNB-63L - 1130mAh, sạc bàn KSC35s, anten KRA-27, cài lưng, hướng dẫn sử dụng (Thiết bị nhập khẩu đồng bộ từ Singapore) Bảo hành thân máy 24 tháng,		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

				phụ kiện 06 tháng)				
--	--	--	--	--------------------	--	--	--	--

30	Bộ đèn led 1m2	Bộ	40	<p>Thân máng được làm từ thép, sơn tĩnh điện. Chân đèn và khung cách điện bằng nhựa PC/ABS, khả năng chống cháy và cách điện cao</p> <p>Điện áp làm việc: 175-265VAC</p> <p>Tần số: 50/60Hz</p> <p>Công suất: 18W</p> <p>Màu ánh sáng (K) : 6500</p> <p>Tuổi thọ (giờ) : 30.000</p> <p>Quang thông: 2000 lm</p> <p>Chỉ số hoàn màu (Ra): > 80</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
31	Bộ giũa cơ khí 5 món	Bộ	1	<p>Chất liệu thép T12, chiều dài 200mm. Bộ giũa sắt 5 chi tiết: 1 giũa sắt hình dẹp, 1 hình bán nguyệt, 1 hình tròn, 1 hình tam giác, 1 hình vuông. Trọng lượng: 0.5kg</p> <p>Cán bằng nhựa, cao su màu trắng và xanh.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

32	Bộ Tua Vít Sửa Chữa Đa Chức Năng Deli 33 Món Cao Cấp - Chất Liệu Siêu Bền, Thiết Kế Gọn Nhẹ Tinh Tế - DL1033D	bộ	2	Chất liệu: Thép CR-V. Vật liệu tay cầm: PP + TPR. Kích thước sản phẩm: 134*104*30mm . Trọng lượng: 0,24kg Thành phần gồm có: 1 tay cầm 118mm. Một nhíp 111mm. 1 thanh nối dài . 30 đầu vít kích cỡ khác nhau.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
33	Bộ vòi sen	Bộ	33	Chất liệu nhựa ABS. Bao gồm: tay sen, dây 1.5m và ốc vít.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
34	Bộ xả bồn cầu	Bộ	35	Sử dụng được cho các loại có kết nước rời. Sử dụng cần gạt bên hông, một chế độ xả. Giăng cao su chống lão hóa giúp tăng độ bền. Gioăng đóng nước bằng silicon siêu bền.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
35	Bộ xả lavabo inox (đơn)	Bộ	30	Chất liệu: Xả chậu lavabo Inox SUS304. ống thải chữ P ngăn mùi hôi thoát từ ống lên lavabo.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

36	Bộ xả lavabo sứ	Bộ	20	Ống xả được làm từ chất liệu ABS, cứng, lớp nhựa dày. Phần thân được thiết kế xếp gập thu ngắn hoặc kéo dài, chiều dài khi thu gọn là 40cm, chiều dài kéo ra tối đa tới 95cm. Đầu ống xả thiết kế tiêu chuẩn với đường kính bề mặt inox 6cm, phù hợp tương thích với mọi bồn rửa mặt (lavabo).		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
37	Bộ xịt vệ sinh	Bộ	45	Dây cấp được làm nhựa PVC đan chỉ Nylon. Chiều dài dây cấp bằng nhựa 1.2m. Ốc nối bằng inox, dài 1.5m.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
38	Bộ xoay cơ quạt (nhông quay)	Cái	30	Dùng thay thế bộ nhông quay của các quạt Bàn, treo, lửng, lớn thông thường và quạt Senko.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
39	Bộ xoay điện quạt treo tường	cái	30	Điện áp: 220v – 4w Sử dụng cho các loại quạt (quạt bàn, đứng, treo tường).		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

40	Bóng đèn 2U	Cái	40	Bóng đèn Bóng 2U compact 8W có kích cỡ rất nhỏ gọn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
41	Bóng đèn led 1m2	Bóng	45	Công suất 18W Ánh sáng trắng, dạng led tuýp Dễ lắp đặt trong mọi không gian Điện áp: 100-240V. Không nhấp nháy trong quá trình sử dụng Quang thông (lm): 2000 Màu Ánh sáng (K): 6500 Tuổi thọ (giờ) : 30.000		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
42	Bóng đèn led 60cm	Bóng	50	Kích thước 60cm; Công suất 10W, Ánh sáng trắng, dạng led tuýp. Dễ lắp đặt trong mọi không gian; Điện áp: 100-240V. Không nhấp nháy trong quá trình sử dụng. Quang thông (lm): 850 Màu ánh sáng (K) : 6500 Tuổi thọ (giờ) : 30.000 Chỉ số hoàn màu (Ra): ≥ 82		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

43	Búa đóng đinh	Cái	3	Được chế tạo từ chất liệu hợp kim thép cứng cáp, chống mài mòn, chịu được lực cao làm cho sản phẩm được bền lâu hơn - Cán gỗ chắc chắn giúp êm tay khi sử dụng. Trọng lượng 500g		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
44	Bút thử điện 2 đầu	Cây	14	Tay cầm bọc nhựa, cách điện tốt. Dùng để kiểm tra nguồn điện dân dụng. Sử dụng với nguồn điện từ 100-500V. Đầu tiếp điện làm bằng thép C45 chắc chắn		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
45	Cần gạt nước nhựa cho bồn cầu	Cái	39	Tay gạt dùng thay thế cho các loại bồn cầu gạt trước. Chất liệu kim loại		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
46	Cánh quạt	Cái	40	Chất liệu nhựa PVC. Sử dụng cho các loại quạt co lồng đường kính 30cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

47	Cặp eke sắt 35cm	Cặp	21	Sản phẩm bao gồm: cặp ke + vít + tắc kê. Giá đỡ được làm bằng sắt, đã phun phủ 1 lớp sơn tĩnh điện. Kích thước 35cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
48	Cặp Ray trượt 3 tầng	Cặp	4	Cấu tạo gồm 3 thanh thép cán nguội trượt trên hệ thống bi xếp song song. Ray 3 tầng bản 35mm dày 0.8mm dài 300mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
49	Cầu dao CB 2 tếp 40A	Cái	20	Cầu giao tự động Cường độ dòng điện: 40ATự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Điện áp định mức 240VAC/415VAC.Dòng cắt ngắn mạch 10kA/06kA.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
50	Cầu dao CB cóc 20A	Cái	20	Số cực: 2P. Dòng điện định mức: 20A. Dòng cắt ngắn mạch: 1.5kA. Điện áp định mức: 240VAC.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

51	Cầu dao CB cóc 30A	Cái	20	Số cực: 2P. Dòng điện định mức: 30A. Dòng cắt ngắn mạch: 1.5kA. Điện áp định mức: 240VAC.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
52	Cầu dao CB tép 32A	Cái	20	Cầu giao tự động Cường độ dòng điện: 32ATự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Điện áp định mức 240VAC/415VAC.Dòng cắt ngắn mạch 06kA.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
53	Cây lau nhà	cây	4	Cây lau nhà được làm từ nhựa PP nguyên sinh và Inox cao cấp, siêu bền về tuổi thọ sản phẩm. Cây lau cán inox, có tay cầm bằng nhựa, đầu tròn, vắt tay có trợ lực.Thiết kế các rãnh khớp với chốt hãm thông minh, vắt đến đâu, chốt tự hãm ống xoắn đến đó, giúp tiết kiệm công sức hiệu quả cho việc lau nhà		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

54	Chai xịt phun sương 300ml đựng cồn	chai	30	<p>Chất liệu: Nhựa PET Dung tích: 300ml. Loại nắp: Nắp nhựa vặn có vòi phun sương Màu sắc: Màu trắng trong suốt, màu trắng mờ, màu trắng đục, màu nâu. Có thể đặt hàng các màu sắc khác nhau.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
55	Chân ốc chốt nhựa nắp bồn cầu	Bộ	30	<p>Chất liệu: Nhựa ABS bền - Sử dụng lắp thay thế hầu hết các loại bồn cầu. - Ốc chốt dùng thay thế cho các loại nắp thường, cầu bệt 2 khối kết nước rời. - Sản phẩm bao gồm chân chốt ngang (dài 7.5 cm), chân chốt dài (10.5 cm), ron cao su, nắp chụp</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
56	Chì hàn cuộn lớn	Cuộn	10	<p>Chì hàn cuộn lớn, đường kính dây 0.8mm. Đây là loại chì hàn cho chất lượng tốt, ít khói, dẫn điện tốt, nhiệt độ nóng chảy phù hợp sử dụng cho các loại mỏ hàn từ 40W trở lên. Trọng lượng cuộn chì : 100g</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

57	Chổi cao	cây	2	Cán dài, túi quét dày, cứng		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
58	Chổi cỏ	Cái	8	Chất liệu bông cỏ thiên nhiên Chổi được cuốn bằng kẽm hào hạng, chống gỉ sét, bền chắc, không đứt, sờ, bung. Trọng lượng chổi ~400gr		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
59	Chổi nilon	Cây	4	Chổi quét bụi lớn chất liệu bằng sợi nilon. Dài 50cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
60	Chốt cửa ngang loại vừa	Cái	40	Thân chốt đc làm bằng Inox không gỉ. Kích thước: 1060mm x 43mm x Đường kính 10mm. Được sử dụng làm chốt cửa phòng hoặc cổng chính.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

61	Chốt inox âm cửa nhôm loại tốt (chốt cửa bật lên xuống)	Cái	40	Được thiết kế lắp âm với thanh gạt lên xuống để bật chốt. Chất liệu hợp kim inox. Dùng để lắp cửa nhôm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
62	Chốt khóa sò dùng cho cửa sổ lùa	Cái	40	Dùng cho cửa mở trượt, mở lùa.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
63	Chuôi đèn xoay	Cái	34	Điện áp hoạt động: 250V ~ 4A. Công suất chịu tải: 1000W. Loại chuôi: E27. Chuôi đèn có thể xoay 2 chế độ góc chiếu sáng tùy nhu cầu sử dụng (45 độ -90 độ).	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
64	Co 21	Cái	40	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 21$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

65	Co 27	Cái	40	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 27$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
66	Co 34	Cái	40	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 34$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
67	cọ lăn 5 phân	cây	12	Dễ sử dụng trên các bề mặt nhỏ hẹp, góc cạnh Bề mặt bông mềm, mịn bám dính sơn tốt		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
68	cọ sơn 5 phân	Cây	16	Cọ dùng để sơn, quét bụi các vết bẩn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

69	Con trượt cửa lùa 4 bánh bi	Bộ	20	Con trượt cửa lùa 4 bánh bi; Chất liệu: INOX 304, màu sắc: bạc mờ	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
70	Công tắc 1 chiều	Bịch	12	Nắp công tắc làm bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập- không lão hóa dưới tác dụng của từ trường dòng điện. - Trục trượt mạ bạc – tiếp xúc tốt. - Đế công tắc làm bằng nhựa Polyamide chống cháy – nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh). - Bản trượt phủ lớp hợp chất Oxit Cadimi – Bạc (AgCdO12) đảm bảo theo tiêu chuẩn 40.000 lần tắt/bật. - Vít đồng đầu tròn tránh hiện tượng đứt dây khi siết.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
71	Công tắc quạt vận	Hộp	12	Dùng để điều chỉnh tốc độ quạt. Điện áp 250VAC 50Hz. Công suất 400VA.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

72	Cùm 21 inox bắt ống nước	Bịch	8	Cùm treo ống nước, chất liệu Inox, phi 21mm. Quy cách đóng gói 50c/1 bịch.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
73	Cùm 27 inox bắt ống nước	bịch	8	Cùm treo ống nước, chất liệu Inox, phi 27mm. Quy cách đóng gói 100c/1 bịch.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
74	Cước kim tuyến	Cái	35	Được cấu tạo bởi các sợi cước. Giúp làm sạch các vết bẩn trên xoong, chảo, chén, đĩa và các dụng cụ nhà bếp.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
75	Cước xanh lớn 14x18cm	Miếng	83	Chất liệu xơ tổng hợp chất kết dính hạt đá mài phụ gia. Dùng chùi rửa làm sạch các dụng cụ nhà bếp, chén đĩa, ly tách. Kích thước: 140x180mm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

76	Đá cắt kim loại CN 107x1.5x16mm	Lốc	8	Đường kính ngoài : 107 mm Độ dày lưỡi cắt : 1.5 mm Đường kính trong: 16 mm Đóng gói: 25 viên/lốc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
77	Đầu dù bắn ốc	Cái	18	Được chế tạo bằng thép CR- V, có độ cứng cao. Đầu bắn có tích hợp nam châm giúp giữ chặt vít không dễ bị rơi. Đường kính đuôi dùng gắn vào máy khoan: 8mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
78	Dầu massage 200ml (Johnson oil)	chai	15	Dầu dùng massage Baby oil Dung tích: 200ml/ chai Là sản phẩm uy tín, có bảng thông tin chi tiết về sản phẩm hay Phiếu công bố sản phẩm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

79	Đầu nối mạng RJ45	Hộp	2	<p>Đầu nối dây mạng Lan RJ45. Được thiết kế chuyên dụng cho cáp Cat.6/6A, cho phép truyền tải internet với tốc độ Gigabit. Được làm bằng loại nhựa cao cấp độ bền cao, chịu được môi trường khắc nghiệt. Chân tiếp xúc được làm bằng hợp kim đồng mạ vàng, giúp chống oxy hóa, đảm bảo tiếp xúc tốt và truyền tín hiệu tốt nhất. Ứng dụng rộng rãi trong ngành mạng, phù hợp với các tiêu chuẩn IEEE 802.3, IEEE 802.3u... Thân thiện với môi trường. Đơn vị tính: Hộp 100 cái</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
80	Dầu xả (pentine) 650ml	chai	10	<p>Là dòng sản phẩm dầu xả chăm sóc tóc giúp mang đến cho bạn mái tóc suôn mượt và chắc khỏe hơn</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

81	Dây điện 2 x 2.5 dẹp	Cuộn	5	Dây cáp điện đôi dẹp, ruột đồng 5 cấp, cách điện. Cấp điện áp 450V - 750V AC. Sản xuất theo TCVN 6610-3 / IEC 60227 Chiều dày lớp vỏ cách điện 0.8mm. Đơn vị tính: Cuộn 100 mét		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
82	Dây điện 2x1.5 dẹp (ô van)	Cuộn	5	Dây cáp điện đôi dân dụng ô van 1.5 có tiết diện 1,5 mm ² , lõi bằng đồng chất lượng cao. - Số sợi/Đường kính sợi danh nghĩa: 30/0,25N0/mm - Kích thước dây gằn đúng: 4,6 x 7,6mm - Điện trở DC tối đa ở 20 độ C: 13.3 Ω/km - Chiều dày cách điện danh định: 0.8 mm - Khối lượng dây gằn đúng: 66 kg/km - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép của ruột dẫn là 70 độ C. - Nhiệt độ cực đại cho phép của ruột dẫn khi ngắn mạch trong thời gian không quá 5 giây là: 140 độ C, với tiết diện lớn hơn 300mm ² , 160 độ C với tiết diện nhỏ hơn hoặc bằng 300mm ² . Đơn vị tính: Cuộn 100 mét		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

83	Dây điện đôi 1.5mm	Cuộn	5	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: Dây đôi 2 lõi - Tiết diện: $2 \times 1.5 \text{ mm}^2$ ($2 \times 30/0.2$) - Chất liệu: Ruột Đồng, Dây điện bọc nhựa 		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
84	Dây điện đôi 2x2.5mm	Cuộn	5	Dây cáp điện đôi dân dụng ô van 2.5 có tiết diện 2,5 mm ² , lõi bằng đồng chất lượng cao. - Số sợi/Đường kính sợi danh nghĩa: 50/0,25 N0/mm - Kích thước dây gần đúng: 5,6 x 9,3 mm - Điện trở DC tối đa ở 20 độ C: 7.98 Ω/km - Chiều dày cách điện danh định: 1.0 mm - Khối lượng dây gần đúng: 102 kg/km - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép của ruột dẫn là 70 độ C. - Nhiệt độ cực đại cho phép của ruột dẫn khi ngắn mạch trong thời gian không quá 5 giây là: 140 độ C, với tiết diện lớn hơn 300mm ² , 160 độ C với tiết diện nhỏ hơn hoặc bằng 300mm ² . Đơn vị tính: Cuộn 100 mét		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

85	Dây điện đơn 1.5mm	Cuộn	9	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện: 1.5mm² - Kết cấu: 1/1,38 No/mm - Đường kính ruột dẫn: 1,38mm - Chiều dày cách điện: 0,7mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C: 12,1 Ω/km - Chất liệu cách điện: nhựa PVC 		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
86	Dây điện đơn 2.5mm	Cuộn	8	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện 2.5mm² - Kết cấu 1/1,77 No/mm - Đường kính ruột dẫn 1.77 mm - Chiều dày cách điện 0,8mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C 7,41Ω/km - Chất liệu cách điện: Nhựa PVC 		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
87	Dây điện đơn 4.0mm	Cuộn	4	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện 4.0mm² - Kết cấu 1/2,24No/mm - Đường kính ruột dẫn 2,24mm - Chiều dày cách điện 0,8mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C 4,61Ω/km - Chất liệu cách điện: Nhựa PVC 		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

88	Dây điện thoại 2 lõi mềm	Mét	3	Dây điện thoại 2 đôi (2x2x0,5) đi trong nhà. Đơn vị tính: Cuộn 200 mét		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
89	Dây mạng CAT 6	Thùng	3	Cáp CAT 6 chống nhiễu 2 lớp lõi chữ thập. Hỗ trợ chuẩn Gigabit Ethernet. - Thỏa tất cả các yêu cầu của Gigabit Ethernet (IEEE 802.3ab). - Băng thông hỗ trợ 600 MHz. - Hiệu suất 3dB NEXT trên chuẩn Cat 6. - Dây dẫn bằng đồng dạng cứng - solid, đường kính lõi 23 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Polyethylene, 0.0097in. - Vỏ bọc: 0.025in, PVC. - Nhiệt độ hoạt động: -20°C – 60°C. Đơn vị tính: Thùng 305 mét.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
90	Dây ruột gà 20 x 50m	Cuộn	8	Chất liệu nhựa HDPE có tính chuyên dụng cao có khả năng chống lại ăn mòn, chịu lực, chịu nén, chịu hóa chất và nhiệt độ cao. Đường kính 20mm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

91	Dây rút 10x700 màu trắng	Bạch	23	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài: 70cm. Chiều rộng: 10mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 70 sợi		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
92	Dây rút 3x10 màu trắng	Bạch	22	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài : 10cm. Chiều rộng : 3mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
93	Dây rút 4x150 màu trắng	Bạch	24	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài : 15cm. Chiều rộng : 4mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
94	Dây rút 8x400 màu trắng	Bạch	25	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài: 40cm. Chiều rộng: 8mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

95	Dây thun lớn	Bịch	68	Chất lượng dai, khó đứt. Màu vàng, loại tốt, bản dày 0.1cm, đường kính 5cm. Đơn vị tính: Bịch 0.5kg		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
96	Dây thun nhỏ	Bịch	1	Chất lượng dai, khó đứt. Màu vàng, loại tốt, bản dày 0.1cm, đường kính 2.5cm. Đơn vị tính: Bịch 0.5kg		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
97	Đế nổi	Cái	40	Đế nổi nhựa dùng cho kiểu S18, S186 và S18C, thiết kế vuông và nhựa chống cháy cho độ bền cao. Vỏ bọc bằng nhựa polyme chịu nhiệt cao, chống va đập.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
98	Đèn bán nguyệt 1m2	Cái	40	Đèn Led Bán Nguyệt 1m2 36W. Ánh sáng trắng (6500K). Điện áp: 176-265VAC. Ánh sáng liên tục, không nhấp nháy, tốt cho thị lực. Tiêu chuẩn châu Âu CE - RoHS Chip LED: SMD2835. Chỉ số hoàn màu >80 Hệ số công suất (PF): >0.5 Góc chiếu: 120°. Quang thông: 3.600 lm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

99	Đèn led Bulk công suất lớn 12W	Cái	40	<p>Phù hợp với chuỗi đèn E27 thông dụng ngoài thị trường, dạng led bulk Đèn sử dụng Driver IC cho ánh sáng ổn định Sử dụng nhôm nguyên khối và hệ thống làm mát thông thoáng. Sử dụng công nghệ LED SMD hiện đại, tiết kiệm điện năng. Thân đèn bằng nhựa PC chịu nhiệt và bền với tác động vật lý Không chứa thủy ngân, thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng Điện áp danh định: 220V. Tần số: 50/ 60Hz. Công suất: 12W. Hệ số công suất: ≥ 0.5. Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra. Nhiệt độ màu Daylight 6500K. Nhiệt độ làm việc: $-10 \div +40$ oC. Hiệu suất: ≥ 90 Lm/W.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
----	--------------------------------	-----	----	--	--	--	--------	--------

100	Đèn led Bulk công suất lớn 30W	Bóng	40	<p>Phù hợp với chuỗi đèn E27 thông dụng ngoài thị trường, dạng led bulk Đèn sử dụng Driver IC cho ánh sáng ổn định Sử dụng nhôm nguyên khối và hệ thống làm mát thông thoáng. Sử dụng công nghệ LED SMD hiện đại, tiết kiệm điện năng. Thân đèn bằng nhựa PC chịu nhiệt và bền với tác động vật lý Không chứa thủy ngân, thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng Dải điện áp: 200 - 240V. Tần số: 50/ 60Hz. Công suất: 30W. Hệ số công suất: ≥ 0.5. Tuổi thọ đèn: 30.000h. Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra. Nhiệt độ màu Daylight: 6500K. Nhiệt độ làm việc: $-10 \div +40$ oC Hiệu suất: ≥ 90 Lm/W</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
101	Đèn pin sạc điện	Cái	63	<p>Chất liệu nhựa, kích thước 24cm sử dụng pin sạc. Thiết kế vừa tay cầm, nhỏ gọn, dễ sử dụng. Tuổi thọ của đèn rất lâu, ánh sáng mạnh.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

102	Dép nhựa bít đầu (phòng thủ thuật)	đôi	55	Bít mũi, nhựa xốp nhẹ, êm chân Quy cách hàng hóa: Size 35- 44	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
103	Dép tổ ong size lớn màu trắng	Đôi	84	Chất liệu nhựa dẻo mềm và cao su thiên nhiên đi êm chân, siêu nhẹ và có lỗ thoáng khí chống thấm nước và trơn trượt. Màu trắng.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
104	Đĩa cắt cỏ	Ổ	4	Lưỡi cắt cỏ tròn, Đường kính trong: 20 mm. Đường kính ngoài: 105 m	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
105	Điện thoại bàn	Cái	23	Có 5 màu khác nhau: Trắng, đen, xanh dương, đỏ, xám. Gọi lại số điện thoại gần nhất. Phím điều chỉnh âm lượng. Điện thoại bàn có 3 mức điều chỉnh tăng, giảm âm lượng và chuông. Hàng chính hãng, có tem bảo hành. - Điều chỉnh kiểu quay số Tone/Pulse - Truyền cuộc gọi trong nội bộ	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

106	Điện thoại bàn (tổng đài)	Cái	2	<p>Màn hình hiển thị LCD Kiểu điện thoại Điện thoại bàn có dây Bộ nhớ danh bạ 50 tên và số Chức năng gọi lại Lưu số gọi đến 50 số Lưu số gọi đi 20 số Chất liệu vỏ Nhựa Màu sắc Trắng Kích thước đóng gói 250mm x 200mm x 50mm Trọng lượng bao bì 500g Màn hình LCD hiển thị số gọi đến. Danh bạ 50 số. Gọi nhanh bằng 1 phím bấm: 20 số. Quay số nhanh: 10 số. SP-Phone (loa ngoài). Nhớ 50 số gọi đến, 20 số gọi đi. Chức năng tự động gọi lại. Chế độ câm tiếng, có nhạc chờ. Khóa bàn phím bằng mã. Đèn báo cuộc gọi. Có khe cắm tai nghe. Bàn lập trình tổng đài 12 trung kế, màn hình hiển thị 1 dòng .12 phím chức năng truy cập nhanh có đèn báo trạng thái.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
107	Đinh thép 2p trắng	Hộp	18	<p>Chất liệu thép chắc chắn. Đinh thép dùng đóng tường, hộp 10 cây</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

108	Đồng hồ hẹn giờ	Cái	13	Màn hình 6 số, Hiện Giờ-Phút-Giây và % giây. Giờ và ngày tháng hiện tại. Giờ báo thức. Nhớ được 1 thời điểm tạm dừng (10 Lap). Chịu 50m nước (5 bar). Độ chính xác: 1/100s. Pin: CR-2032. Kích thước: 58mm x 68mm x 20mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
109	Găng tay cao su dài	Đôi	18	Được sản xuất từ các nguyên liệu và hóa chất không độc hại, 100% cao su thiên nhiên. Bên trong găng tay dài được xử lý chống dính tạo cảm giác thoải mái dễ mang. Lòng bàn tay của găng tay cao su có hoa văn có độ bám dính cao, chống trơn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
110	Găng tay chống hóa chất loại tốt	Đôi	4	Chống hoá chất tốt. Kích thước tương thích với người dùng. Độ bền cao. Sử dụng được nhiều lần.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
111	Ghế nhựa cao 33x33x45cm	Cái	86	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Ghế nhẵn mịn, không có góc cạnh. Bề mặt trơn láng dễ dàng vệ sinh. Kích thước: 330x330x450cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

112	Giảm 27>21	Cái	40	<p>Nồi giảm PVC 27 xuống 21, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
113	Giảm 34>21	Cái	40	<p>Nồi giảm PVC 34 xuống 21, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

114	Giảm 34>27	Cái	40	Nồi giảm PVC 34 xuống 27, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
115	Giấy vệ sinh	Cuộn	8.384	Thành phần chính: 100% bột giấy nguyên chất. Định lượng: 18 ± 2. Độ trắng 86, Đóng gói: 2 cuộn x 2 lớp, quy cách lõi 30mm. Cuộn có đường kính 105mm, cao 91mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
116	Giấy vuông (hộp)	Bịch	32	Chất liệu: 100% bột giấy nguyên chất. Đặc tính: Giấy mềm mại, mịn màng Khổ giấy: 330 x 330 mm. Giấy trắng tự nhiên và không có hoá chất tẩy trắng độc hại Đơn vị tính: Bịch 100 tờ		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

117	Giỏ nhựa đại (53.5x37x26.5cm)	cái	4	Kích thước: tối thiểu 37 x 53,2 x 26,5 (cm) Chất liệu: Nhựa Màu sắc: Đỏ, hồng , xanh		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
118	Giường xếp dây dù	Cái	15	Chất liệu vải: Vải dù cao cấp siêu bền. Chất liệu khung: Khung thép phi 25 sơn tĩnh điện. Kích thước sử dụng: Cao 30cm x Rộng 75cm x Dài 190cm. Khoảng cách từ mặt ghế ngồi đến mặt đất: 35cm. Tải trọng tĩnh: 160kg.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
119	Gối kê chân cho bệnh nhân 30x60cm	Cái	11	Chất liệu ruột gối: bên trong chứa gòn trắng mịn mềm. Vỏ gối bằng chất liệu cotton với họa tiết đơn giản bắt mắt. Kích thước; 30x60cm. Chất liệu: đệm mút bọc vỏ vải, Kích thước phù hợp cho kê chân cao đều(60x30x15cm).		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
120	Gối nằm 40x60 + vỏ gối	Cái	37	Chất liệu ruột gối: bên trong chứa gòn trắng mịn mềm. Vỏ gối bằng chất liệu cotton hoặc thun với họa tiết đơn giản bắt mắt. Kích thước; 40x60cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

121	Hoa vải để bàn	binh	6	Hoa làm bằng vải lụa cao cấp Chất liệu bình bằng sứ Tán xoè 35 - cao 40 -	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
122	Hộp đựng ly uống nước	cái	10	Kích thước: 86x H24,5 x 69 Chất liệu: PS Quy cách đóng gói: 24 cái/thùng	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
123	Kệ dếp nhựa 3 tầng (570*255*680mm)	Cái	11	Chất liệu bằng nhựa , có 3 tầng .Kích thước: 570*255*680mm	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
124	Kệ rổ nhựa 3 tầng đứng	cái	3	Được làm bằng nhựa PP kích thước 355mm x 260mm x 286mm. Thân nhựa có 3 ngăn, tháo lắp đơn giản, khả năng lưu trữ 1 đến 200 tờ.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

125	Kèm bấm chết cong Kapusi	Cây	3	Chất liệu bằng thép S2 CRV, độ cứng cao. Kích thước: 10", độ mở miệng tối đa: 45mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
126	Kèm bấm mạng	Cái	2	Kèm bấm cáp mạng đa năng, Bấm, tuốt, cắt cáp. Kiểu bấm: RJ45, RJ11, RJ12		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
127	Kèm cắt	Cái	8	Kèm cắt hạng nặng 7 inch/180 mm. Chất liệu: được làm từ thép hợp kim cứng cáp		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
128	Kèm điện	Cái	6	Kìm điện tổ hợp, Kích cỡ: dài 203 (8"), dùng để cắt, giữ, kẹp vật dụng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

129	Kềm mở phe	Cây	5	Chất liệu: Thép hợp kim cao cấp, Kích thước 6". Kìm phe mũi cong	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
130	Kềm mũi nhọn kiềm	Cái	6	Kiểm mỏ nhọn, Kích cỡ: dài 203 (8"), dùng để cắt, giữ, kẹp vật dụng. Màu sắc: vàng	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
131	Kềm rút rive 3 lỗ	Cái	1	Kềm rút rivê 3 lỗ (1/8 inch, 5/32 inch, 3/16 inch). Tay cầm màu cam, êm, nắm chặt, có móc khóa an toàn.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
132	Keo (dùng cho súng bắn keo nhỏ)	Cây	110	Keo nên dùng gắn các chi tiết bằng vải, nhựa, gỗ, giấy...có thể dùng lửa nung chảy hoặc cho vào súng bắn keo để sử dụng. Kích thước: Đường kính keo 7mm x chiều dài 27cm (dùng cho súng nhỏ 20W).	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

133	Keo dán ống nước loại 1kg	Kg	4	Dùng để dán ống và phụ tùng ống bằng nhựa PVC. Lượng nhựa PVC tối thiểu: 10% Độ nhớt tối thiểu: 90 cP Áp suất phá nổ sau 2 giờ dán thấp nhất: 2.8 Mpa Khả năng hòa tan: Có khả năng hòa tan thêm 3% lượng bột nhựa PVC ở nhiệt độ $23 \pm 2^\circ\text{C}$ mà không bị gel hóa.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
134	Keo dán sắt 502	Chai	9	50g/hộp, độ kết dính cao		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
135	Khăn lông trắng 0.5x1.0m mỏng	Cái	20	Được sản xuất từ sợi bông cotton dày 200gr màu trắng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
136	Khăn lông trắng 0.6x1.2m dày	Cái	45	Được sản xuất từ 100% sợi bông cotton dày 320gr màu trắng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

137	Khăn vuông màu hồng	Cái	660	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu hồng. Kích thước 27x27cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
138	Khăn vuông màu trắng	Cái	2.160	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu trắng. Kích thước 27x27cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
139	Khăn vuông màu vàng	Cái	809	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu vàng. Kích thước 27x27cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
140	Khóa tủ, khóa cốp	Cái	80	Chất liệu: hợp kim kẽm đúc nhà ở và xi lanh. Kích thước: D19 * L22mm, D19 * L26mm, D19 * L32mm, D19 * L38mm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

141	Long đèn 6 ly	Kg	1	Được làm bằng sắt đã được xi mạ. Đường kính trong: 10ly. Đường kính trong: 6 ly. Dày 1 ly.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
142	Lưỡi cắt gạch men	cái	4	Đường kính ngoài 110mm Đường kính trong 20mm Độ dày 1.6mm Ứng dụng Cắt bê tông, đá Granite, tường, thạch cao, ngói...		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
143	Lưỡi dao rọc giấy	Hộp	11	Sử dụng cho dao rọc giấy lớn. 10 lưỡi/hộp, 18mm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
144	Lưỡi gà ổ khóa cùm tròn	Cái	20	Thích hợp với ổ khóa tay nắm tròn. Cò khóa tay nắm tròn có 2 loại kích thước 3cm, 5cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

145	Ly giấy 150ml	Cái	69.000	Chất liệu an toàn, dẻo dai, được làm bằng giấy phủ lớp PE dẻo dai, chống thấm nước. Dung tích 150ml.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
146	Ly giấy 360ml	Cái	1.000	Chất liệu an toàn, dẻo dai, được làm bằng giấy phủ lớp PE dẻo dai, chống thấm nước. Dung tích 360ml.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
147	Mặt 1 công tắc 2 ổ cắm + công tắc	Cái	40	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp: 250V. 2 ổ cắm 2 châu + 1 công tắc - 16A		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
148	Mặt 2 công tắc 2 ổ cắm + công tắc	Cái	40	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp: 250V. 2 ổ cắm 2 châu + 2 công tắc - 16A		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

149	Mặt 3 ổ cắm Sino	Cái	40	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập .Chịu tải 16A,điện áp: 250V, 3 lỗ cắm 2 châu		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
150	Mặt bích ổ điện	Cái	20	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp. Được sử dụng để gắn bít vào để âm tường hay để nổi		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
151	Mặt chứa 1MCB kiểu M sino (nắp che cb)	Cái	20	Nắp che CB 1 MCB kiểu M		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
152	Mặt công tắc 1 + công tắc	Cái	40	Kích thước: 70mm x 120mm ,mặt 1 lỗ , có 1 công tắc .		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

153	Mặt công tắc 2 + công tắc	Cái	40	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập .Chịu tải 16A,điện áp: 250V, 2 công tắc - 16A+ 2 công tắc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
154	Mặt công tắc 3 + công tắc	Cái	40	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập .Chịu tải 16A,điện áp: 250V, 3 công tắc - 16A+ 3 công tắc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
155	Máy khoan pin bắt vít dùng pin	Cái	2	Điện áp: 20V Tốc độ không tải: 0-400/0-1500rpm Mô-men xoắn cực đại: 45Nm Khả năng khoan: 0,8-10 mm Thiết lập mô-men xoắn: 15+1 Bánh răng cơ khí 2 tốc độ Chức năng khóa trục chính Đèn LED làm việc. Đèn LED báo nguồn pin Kèm 1 pin 2.0Ah (TFBLI20011), 1 sạc (TFCLI2001) và 1 mũi vít Cr-V 65mm Điện áp sạc: 220-240V~50/60Hz		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

156	Mền	Cái	20	Chất liệu: cotton 100% không pha nylon Kích thước: 1m5x2mDùng làm mền đắp, hoặc dùng để lót ủi đồ, có thể gấp gọn. Có nhiều màu cho bạn lựa chọn (đỏ, nâu, xanh, xanh đen, sọc nhiều màu). Trọng lượng: Nặng 800g		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
157	Mỏ lếch thẳng 15"INCH	Cái	3	Chiều dài: 375mm (15 "") Kích thước điều chỉnh: 0-46mm Chất liệu : 45 # thép carbon Trọng lượng: 1kg		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
158	Móc đóng treo ống nhựa phi 21	Bịch	8	Dùng để đóng vào các loại vật liệu như gỗ, tường, xi măng để kẹp giữ chặt các loại dây điện, ống nước. Kích thước: D21. Đơn vị tính: Bịch 50 cái		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
159	Móc đóng treo ống nhựa phi 27	Bịch	8	Dùng để đóng vào các loại vật liệu như gỗ, tường, xi măng để kẹp giữ chặt các loại dây điện, ống nước. Kích thước: D27. Đơn vị tính: Bịch 50 cái		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

160	Móc khoen tròn treo	Cái	80	Chất liệu: Kim loại inox - dạng dẹt - dạng tròn, đường kính 3cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
161	Móc L 6cm	Hộp	45	Chất liệu: Thép carbon (thép không gỉ). Kích thước 6cm. Đơn vị tính: Hộp 10 cái.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
162	Móc treo quần áo	cái	49	Bằng inox, dài 45cm, có 7 móc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
163	Móc tròn Inox	Cái	20	Móc tròn, móc chùm phơi quần áo chống gió inox (Móc tròn, móc chùm treo quần áo trẻ em, móc inox, móc phơi quần áo). Chất lượng: Inox; Số lượng kẹp: 20 cái; Chống gió: Là một sợi dây thép. Độ dày: 2.5mm; Trọng lượng: 350Gram; Kích thước: 36 x 20cm; Đặc điểm sản phẩm: Thiết kế móc treo chống gió, móc treo có thể tháo rời		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

164	Mũi bắn vít 2 đầu chữ thập	Cái	14	Chất liệu: Hợp kim thép xử lý bề mặt, chống ăn mòn. Có 2 đầu vít..		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
165	Mũi đục bê tông kiểu gài đầu dẹp	Cái	4	Chất liệu : Hợp kim thép siêu cứng, chịu lực cao , có lớp phủ chống gỉ sét . Kích thước mũi dẹp 14mm x 250mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
166	Mũi đục bê tông kiểu gài đầu nhọn	Cái	4	Chất liệu : Hợp kim thép siêu cứng, chịu lực cao , có lớp phủ chống gỉ sét . Kích thước mũi nhọn 14mm x 250mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
167	Mũi khoan bê tông 10 ly	Cái	8	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 10 ly dạng gài		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

168	Mũi khoan bê tông 6 ly	Cái	8	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 6 ly dạng gài		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
169	Mũi khoan bê tông 8 ly	Cái	8	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 8 ly dạng gài		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
170	Mũi khoan inox 10 ly	Cái	16	Chất liệu Inox. Đường kính: 8mm. Độ dài khoan tối đa: 63.5mm. Chiều dài mũi: 110mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
171	Mũi khoan inox 4.2 ly	Cái	26	Chất liệu Inox. Đường kính: 4.2mm. Độ dài khoan tối đa: 43mm. Chiều dài mũi: 75mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

172	Mũi khoan inox 6 ly	Cái	18	Chất liệu Inox. Đường kính: 6mm. Độ dài khoan tối đa: 58mm. Chiều dài mũi: 92mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
173	Mũi khoan inox 8 ly	Cái	18	Chất liệu Inox. Đường kính: 8mm. Độ dài khoan tối đa: 63.5mm. Chiều dài mũi: 110mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
174	Mũi khoan thép 4 - 32	Cái	4	Mũi khoan đa tầng phủ Titan, Đường kính khoan: 4-32mm, chiều dài: 102mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
175	Mũi khoan tường 3.2 li chân lục giác	Cái	16	Đầu mũi khoan được làm bằng hợp kim, vát 02 cạnh . Mũi khoan phi 3,2mm, dài 90mm, chuôi lục giác		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

176	Mũi khoan tường 6li chân lục giác	Cái	8	Đầu mũi khoan được làm bằng hợp kim, vát 02 cạnh . Mũi khoan phi 6.0mm, dài 100mm, chuỗi lục giác		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
177	Nắp bít nhựa tròn tron Ø21	Cái	20	Nắp bít tròn tron dùng để bít đầu ống đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
178	Nắp bít nhựa tròn tron Ø27	Cái	20	Nắp bít tròn tron dùng để bít đầu ống đường kính 27mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

179	Nẹp nhựa dây điện 20mm 1.7m	Cây	40	Dùng để luồn các loại sợi dây điện, giúp chống bụi, chống gãy, chống rôi dây.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
180	Nẹp nhựa dây điện 30mm 1.7m	Cây	40	Dùng để luồn các loại sợi dây điện, giúp chống bụi, chống gãy, chống rôi dây.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
181	Nẹp sàn nẹp bán nguyệt nẹp góc 40mm	Cây	40	Chất liệu nẹp nhựa, Kích thước 0.4x1.2m .Chịu lực tốt, dễ thi công và có tính thẩm mỹ cao		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
182	Nồi 21	Cái	40	Nồi bằng được làm bằng nhựa . Đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

183	Nối 49	cái	40	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 49mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
184	Nối răng ngoài phi 21	Cái	40	<p>Chất liệu nhựa PVC. Nối có 1 đầu ren ngoài dùng để nối với ống nhựa PVC. Phi 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

185	Nối thẳng phi 21	Cái	40	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: $1.4g/cm^3$ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: $0.08mm/m^{\circ}C$ Điện trở suất bề mặt: $10^{13} \Omega$ Nhiệt độ làm việc: 0 đến $45^{\circ}C$ Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: $76^{\circ}C$</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
186	Nối thẳng phi 27	Cái	40	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 27mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: $1.4g/cm^3$ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: $0.08mm/m^{\circ}C$ Điện trở suất bề mặt: $10^{13} \Omega$ Nhiệt độ làm việc: 0 đến $45^{\circ}C$ Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: $76^{\circ}C$</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

187	Nồi bằng phi 34	Cái	40	Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 34mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
188	Nước lau kính	Chai	25	Dung dịch nước tẩy rửa chuyên sử dụng làm sạch các vết bẩn, vết bụi dính trên bề mặt kính, Dung tích 580ml/1 chai		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
189	Nước rửa chén 750ml	Chai	96	Được chiết xuất từ vỏ chanh thiên nhiên kết hợp với chất diệt khuẩn. Có tác dụng tẩy sạch các vết dầu mỡ, khử sạch mùi tanh. Dung tích 750ml.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

190	Nước rửa tay	Lít	710	Có tác dụng diệt khuẩn 99,99 % các loại vi khuẩn có hại. Thành phần Với Triclosan kết hợp với các thành phần dưỡng da cao cấp giúp tăng cường độ ẩm, bảo vệ nuôi dưỡng da tay. Hương thơm nhẹ nhàng. Đơn vị tính: lít		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
191	Nước tẩy Javel	Chai	370	Được làm từ những thành phần an toàn Sodium hypochlorite và Sodium hydroxide, nước và các phụ gia khác. Có tác dụng tẩy trắng quần áo, khử mùi và diệt khuẩn. Dung tích: 1.000ml		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
192	Nút nhấn bồn cầu	Cái	40	Loại 1 nút nhấn tròn, sử dụng được cho nhiều loại bồn cầu thông dụng. Mạ Crôm. Cỡ: Ø37mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
193	Ổ cắm điện 3 Ổ 3 Chấu 1 công tắc dài 3m	Cái	31	Ổ cắm điện đa năng công tắc 2 cực 3 ổ cắm dây 3m 2200W - 3300W. Được thiết kế khá gọn gàng và tiện lợi với 3 ổ cắm 3 chấu cắm, 1 công tắc để đáp ứng nhu cầu cắm điện cho các thiết bị điện có		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

194	Ổ cắm điện 5 m tròn	Cái	2	Ổ cắm kéo dài quay tay - cuộn dây kín kiểu đĩa bay. Công suất tối đa 2200W - 3300W Max 10A 250V	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
195	Ổ cắm điện 6 Ổ 3 Châu 2 công tắc dài 5m	Cái	39	Dây dẫn bằng đồng nguyên chất, tiết diện dây dẫn đủ nên dẫn điện tốt, chịu được tải lớn. Số ổ cắm: 6 ổ đa năng + 3 châu. Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm. Số lõi dây: 02 Lõi. Công suất tối đa: 2200W. Dòng Max: 10A. Chiều dài dây dẫn: 5 mét.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
196	Ổ khóa cỡ nhỏ	Cái	60	Thân khóa đúc nguyên khối 4cm x 3cm, móc khóa làm hợp kim, to, chắc chắn. Đường kính móc khoá 3cm. - Có 3 chìa kèm theo	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
197	Ổ khóa cỡ trung	Cái	24	Thân khóa đúc nguyên khối 5cm x 4cm, móc khóa làm hợp kim, to, chắc chắn. Đường kính móc khoá 4cm. - Có 3 chìa kèm theo	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

198	Ổ khóa cửa sổ sò xanh đỏ + pass	Cái	40	Chất liệu: Hợp kim, lắp vào cửa sổ cửa nhôm, cửa lùa hoặc cửa nhựa lõi thép. Có màu xanh, đỏ để phân biệt đóng, mở .	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
199	Ổc dù bán gỗ (5cm)	Bịch	9	Kiểu mũ: Dù, đầu vắn bake, chất liệu inox . Kích thước 5cm. Đơn vị tính: Bịch 50 con.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
200	Ổc nhựa giữ bồn nước bồn cầu	Bộ	16	Chất liệu: nhựa ABS siêu bền, sử dụng lắp thay thế hầu hết các loại bồn cầu .	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
201	Ổc vít 4p	Kg	1	Chất liệu: thép mạ kẽm, cứng cáp ren đều, dễ dàng lắp ráp vào tắc kê. Kích thước 3cm. Đơn vị tính: Kg	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

202	Ốc vít xé, vít đui cá 2p	Kg	9	Liên kết các vật liệu kim loại mềm dễ khoan. Kích thước: 4x19mm. Vít tự khoan đầu dù được dùng trong cho những vật liệu mềm như nhôm, tole mỏng ...	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
203	Ống cấp Lapabo 40cm nhựa	Ống	40	Dây cấp nước bằng nhựa. 2 đầu ốc bằng thau hoặc thau mạ crom niken, cốt liên kết giữa đai ốc và dây cấp bằng thau. Dây cấp dùng để cấp nước cho vòi rửa chén, Lavabo rửa mặt, Bồn cầu... Dây dài 40cm.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
204	Ống gen co nhiệt 3mm	Mét	5	Tỷ lệ co: 2-1. Đường kính 3mm, khi co lại tối đa sẽ còn 1.5mm. Nhiệt độ chịu đựng: 125°C. Điện áp: 600V. Nhiệt độ co: 84°C - 120°C. Đơn vị tính: mét	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
205	Ống gen co nhiệt 6mm	Mét	5	Tỷ lệ co: 2-1. Đường kính 6mm, khi co lại tối đa sẽ còn 3mm. Nhiệt độ chịu đựng: 125°C. Điện áp: 600V. Nhiệt độ co: 84°C - 120°C. Đơn vị tính: mét	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

206	Ống hút giấy (25 cái/bịch)	Bịch	30	Thành phần: được làm từ giấy. Chiều dài ống: 20cm. Đường kính: size 6mm. Bọc từng ống. Phân hủy hoàn toàn và thân thiện với môi trường.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
207	Ống nước nhựa phi 21mm x 4m	Cây	40	Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 21mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
208	Ống nước nhựa phi 27mm x 4m	Cây	40	Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 27mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

209	Ống nước nhựa phi 34mm x 4m	Cây	40	<p>Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 34mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
210	Ống nước nhựa phi 49mm	Cây	16	<p>Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 49mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

211	Ống nước nhựa phi 60mm	Cây	16	Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 60mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
212	Ống xả máy giặt (loại tốt)	Dây	40	Được làm bằng chất liệu nhựa đàn hồi, dai, bền. Giúp dẫn xả lượng nước thải trong máy giặt đến vị trí thoát nước.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
213	Pát ổ khóa Việt Tiệp bản vít	Cặp	60	Chất liệu sắt không rỉ , có khoen tròn dùng gắn cửa sắt .		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

214	Phao cơ đồng van 27	Cái	12	Chất liệu chủ yếu là đồng thau. Ti inox liên kết với quả banh nhựa. Van phao có tăng đơ để điều chỉnh mức nước theo ý muốn, đóng mở tự động. Đệm làm kín bằng gioong cao su nên đóng mở rất êm. Dùng cho van phao 27mm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
215	Phao điện thông minh tự ngắt	Cái	12	Sử dụng cho máy bơm đẩy, nước đầy tự động ngắt. thích hợp cho mọi loại máy bơm, bồn nước, hồ nước.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
216	Phích cắm dương	Cái	40	Chân đồng chắc chắn, tiếp xúc tốt, chống phóng điện Dễ dàng lắp ráp dây điện Đuôi phích cắm có răng cưa kẹp giữ chặt dây, giúp dây không bị tuột khi dùng lực. Điện áp sử dụng 100-250V Dòng tải: 10A Công suất: 2.200W/220V (tối đa 2.500W/250V) Chân cắm: chân tròn $\Phi 4$ (cỡ nhỏ) Chất liệu: nhựa chống cháy, đồng nguyên chất Màu: trắng		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

217	Phích cắm nổi âm	Cái	40	<p>Kích thước chân tiếp xúc: $\Phi 4$ Công suất: 10A – 250VAC (EU2$\Phi 4$, EU2TD); 15A – 250VAC (ONC5, ON3NC5) Loại: Chân tròn, chân dẹt Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa ABS, Chân tiếp xúc bằng đồng nguyên chất, dẫn điện tốt. Thiết kế kẹp chặt dây điện, chống đứt hoặc sút ra khi sử dụng lực mạnh. Bộ cực tiếp xúc bên trong đầu nổi âm ô cắm đều có bố trí lò xo tăng lực kẹp, má kẹp tiếp xúc tốt với chân phích khi cắm nổi, dẫn điện tốt, chống move, chống đánh lửa và phát nhiệt tại đầu nổi Tiêu chuẩn: TCVN và IEC</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
218	Pin AA (đồng hồ)	Cục	1.541	<p>Loại pin: AA. Model: R6P(AR)4P. Điện thế: 1.5 V. Kích thước: 14mm x50mm/viên. Qui cách đóng gói: 4 viên/vi, 40 viên/hộp. Hàng chính hãng.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

219	Pin AAA (máy lạnh)	Cục	936	Loại pin: pin đũa AAA. Model: R03(AR) 2P. Điện thế: 1.5 V. Kích thước: 10mm x42mm/ viên. Qui cách đóng gói: 2 viên/vi, 40 viên/hộp. Hàng chính hãng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
220	Pin Cmos	Cục	40	Loại pin: Lithium. Chuẩn pin CR2032. Điện thế: 3V. Dung lượng trung bình: 225 mAh đến 2,0 volt (Được đánh giá ở mức 10k ohms liên tục ở 21°C) Mật độ năng lượng: 198 milliwatt giờ/g, 653 milliwatt giờ/cc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
221	Pin Ir44	Cục	10	Loại pin: Alkaline. Chuẩn pin AG13 / LR44. Điện thế: 1,5 V.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
222	Pin maxell CR2032 3V Máy thử đường huyết	Cái	140	Loại pin: Lithium. Chuẩn pin CR2032. Điện thế: 3V. Dung lượng trung bình: 225 mAh đến 2,0 volt (Được đánh giá ở mức 10k ohms liên tục ở 21°C) Mật độ năng lượng: 198 milliwatt giờ/g, 653 milliwatt giờ/cc		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

223	Pin trung size C	Cục	106	Loại pin : Pin trung C (size C). Volts : 1.5V. Code : R14P(AR) 2P, R14. Kích thước : 26m x50mm. Qui cách đóng gói: 2 viên/vi, 20 viên/hộp. Hàng chính hãng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
224	Pin vuông 9V	Cục	6	Loại pin: vuông 9V. Model: 6F22DT/1S. Điện thế: 9 V. Kích thước: Pin 9V/ Pin vuông/ 6LR61/ 6F22/ MN1604. Qui cách đóng gói: 1 viên/vi, 12 viên/hộp. Hàng chính hãng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
225	Quạt CPU máy tính	Cái	15	Hỗ trợ CPU dòng Pentium Dual Core/G/Core i3/i5/i7 Hỗ trợ Socket 1155, 1156, 1150,1151 Chạy bền bỉ, êm, tản nhiệt tốt Trọng lượng (KG) 0.2 Kích thước sản phẩm (D x R x C cm) 9x9x5		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
226	Quạt đứng	Cây	3	Công suất 65 W Điện áp 220V/ 50Hz Lưu lượng gió 91.2 m3/min Đường kính cánh 43 cm Số lượng cánh 5 cánh Màu sắc Đen Cam Cân nặng: 5,3 kg		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

227	Quạt treo tường 2 dây	Cây	13	Quạt treo 2 dây. Công suất 65 W. Điện áp 220V/ 50Hz. Lưu lượng gió 91.2 m ³ /min. Đường kính cánh 43 cm. Số lượng cánh 5 cánh.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
228	Rive 4	Bịch	6	Kích thước: 4cm. Chất liệu bằng nhôm. Có độ bền cao, ó khả năng chống rỉ sét, ăn mòn từ môi trường tự nhiên. Đơn vị tính: Bịch 500 cái		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
229	Rổ nhựa 31*22*10cm	Cái	69	Được sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh. Kích thước: 305x220x95mm. Lỗ nhỏ.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
230	RP7 lớn (Xịt chống sét)	Chai	18	Trọng lượng 300g. Dùng trong tẩy rửa kiềm dầu nhờn bôi trơn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

231	Silicon trắng sữa A100	Chai	28	<p>Là chất trám trét, kết dính gốc Acrylic (Acrylic Sealant). Màu: Trắng sữa Trọng lượng riêng ở nhiệt độ 20°C: 1.6 ± 0.05 Độ đặc: Không lún: (ASTM C639 – 5) Thời gian định hình bề mặt: 10 phút @ 75F (50% RH) Sức căng: 125 psi (2Mpa) ASTM D412 Tính đàn hồi: 48 psi (0.8 Mpa) Độ cứng A: 30 (ASTM C 733) Thể tích co lại: >25% (ASTM C733) Khả năng chống nhiệt: -10°C đến 80°C Nhiệt độ ứng dụng: 5°C đến 50°C</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
232	Silicon trong A300 (trong)	Chai	28	<p>Tính chất: Axit - Độ lỏng: Không bị lún - Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 6 phút - Trọng lượng riêng ở nhiệt độ 23°C: 1.02 ± 0.05 - Độ cứng (JIS type A): 25 - Sức căng (Mpa): 2.0 - Độ co giãn (%): 500% - Nhiệt độ bề mặt thi công: +5°C đến +40°C - Khả năng chịu nhiệt (sau lưu hóa): -50°C đến 220°C</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

233	Sọt tròn đại	Cái	13	Chất liệu nhựa PP chính phẩm, kích thước Ø680 x H810 mm hình tròn có nắp.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
234	Sọt tròn đựng khăn 30*30cm	Cái	10	Chất liệu nhựa PP chính phẩm, kích thước 30*30cm hình tròn.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
235	Sữa rửa mặt E100	Tub	5	Sữa rửa mặt E100 với tinh chất sữa bò tươi có tính năng loại bỏ vẩy tế bào khô ,diệt khuẩn gây mụn cám và làm sạch sâu bề mặt da, cho làn da tươi trẻ sáng mịn. Dung tích: 80ml	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
236	Switch 8 port	Cái	5	8 cổng RJ45 10/100Mbps - Công nghệ Ethernet xanh giúp tiết kiệm điện năng tiêu thụ - Hộp bằng nhựa, thiết kế để bàn - Chỉ cần cắm và sử dụng, không yêu cầu cấu hình	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

237	Tắc kê nhựa số 3	Con	500	<p>Dùng để đóng vào tường để gắn với các loại móc treo tường, đỡ kệ. Màu sắc: Trắng trong Kích cỡ: 7 x 40 mm Được sản xuất từ nhựa nguyên sinh HDPE – không độc hại. Gai bố trí 4 hướng đảm bảo giữ chắc chắn không cho Tắc kê xoay. Tắc kê có vành ngăn không cho trượt sâu vào bên trong. Có khả năng chịu nhiệt từ -40°C đến 80°C. Cấu tạo của Tắc kê cho phép sử dụng phù hợp với nhiều loại Vít khác nhau. Phù hợp với nhiều loại vật liệu như Bê tông, Bê tông bọt, Gạch đặc, Gạch ống, Đá đặc, Cemboard, Thạch cao, Gỗ,...</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
-----	------------------	-----	-----	---	--	--	--------	--------

238	Tắc kê nhựa số 6	Con	100	<p>Dùng để đóng vào tường để gắn với các loại móc treo tường, đỡ kệ. Màu sắc: Trắng trong Kích cỡ: 9 x 65 mm Được sản xuất từ nhựa nguyên sinh HDPE – không độc hại. Gai bố trí 4 hướng đảm bảo giữ chắc chắn không cho Tắc kê xoay. Tắc kê có vành ngăn không cho trượt sâu vào bên trong. Có khả năng chịu nhiệt từ -40°C đến 80°C. Cấu tạo của Tắc kê cho phép sử dụng phù hợp với nhiều loại Vít khác nhau. Phù hợp với nhiều loại vật liệu như Bê tông, Bê tông bọt, Gạch đặc, Gạch ống, Đá đặc, Cemboard, Thạch cao, Gỗ,...</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
239	Tắm gội toàn thân cho bé	Chai	8	<p>Dùng cho trẻ sơ sinh, cân bằng độ pH, không gây kích ứng da, không cay mắt bé Dung tích: 500ml/chai Sản phẩm có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm.</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

240	Tấm nhựa trắng trong (dày 1.6mm, rộng 100cm, dài 120cm)	Tấm	3	Tấm nhựa trắng trong (dày 1.6 mm, rộng 100 cm, dài 120 cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
241	Thảm thun 40x60cm	Miếng	129	Thảm hút nước tốt. Để chống trơn. Mặt lông hút ẩm giúp giữ bụi bẩn. Kích thước 40x60cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
242	Thanh ray trượt học tủ	Cặp	13	Bằng chất liệu thép sơn tĩnh điện, ray tủ bàn, dài 40cm. Tính theo cặp thanh ray.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
243	Thau nhựa 23.5cm x 8.5cm	Cái	12	Được làm từ 100% chất liệu nhựa cao cấp, dày dặn, màu sắc bền đẹp Kích thước: 23,5x23,5x8,5 cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

244	Thau nhựa 39.5cm x 13.5cm	Cái	4	Được làm từ 100% chất liệu nhựa cao cấp, dày dặn, màu sắc bền đẹp Kích thước: 39,5x39,5x13,5 cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
245	Thùng chữ nhật ngâm dụng cụ (30cmx35cmx45cm)	Cái	4	Chất liệu nhựa PP, có quay gài nắp chắc chắn, có bánh xe để duy chuyển. Kích thước (30cmx35cmx45cm). Chịu được nhiệt độ lên đến 134°C. Chịu được hóa chất như glutaraldehyde $\geq 2\%$, peracetic acid... thời gian dài mà không phôi ra chất độc hại. Bề mặt nhựa trơn nhẵn, dễ lau chùi khi bị bám bẩn, cho thời gian sử dụng lâu dài.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
246	Thùng nhựa chữ nhật 14L không nắp	cái	3	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước (DxRxC): (42 x 31 x 16,5) cm Trọng lượng: 846 gram		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

247	Thùng rác đạp màu vàng đại	cái	6	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 35cmx34cmx44cm. Màu vàng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
248	Thùng rác đạp màu xanh đại	cái	6	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 35cmx34cmx44cm. Màu xanh.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
249	Thùng rác đạp màu vàng trung	Cái	14	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 36cmx26cmx30.5cm. Màu vàng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
250	Thùng rác đạp màu xanh trung	Cái	17	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 36cmx26cmx30.5cm. Màu xanh.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

251	Thước kéo 5m	Cây	5	Thước được chế tạo bằng hợp kim sắt, ít co giãn, không gỉ. Có khả năng kéo ra và cuộn lại nhờ có lò xo bên trong. Chiều dài cuộn dây bên trong 5m Trên thước có vạch, các vạch cách nhau 1 mm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
252	Tụ quạt 2.0	Cái	44	Tụ điện vuông đa năng dùng để thay thế cho quạt khi bị hư cháy hỏng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
253	Tụ quạt trần 4.0	Cái	34	Tụ điện vuông đa năng dùng để thay thế cho quạt khi bị hư cháy hỏng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
254	Tua Vít mũi bake 65-174 3x250mm	Cây	8	Được làm từ chất liệu hợp kim thép không gỉ, cứng chắc, chống ăn mòn, chịu lực tốt. Cán cầm được bọc cao su dày. Kích thước: #3x250mm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

255	Túi lưới giặt đồ 50x60cm	Cái	10	Chất lượng cao cấp với 100% Polyester. Dùng bảo vệ quần áo khi giặt máy. Kích thước 50x60cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
256	Tuốt nơ vít (Tua vít) 3 ke	Cây	8	Loại đầu bake PH2, chiều dài 200mm. Phần mũi vít được làm từ thép CR-V		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
257	Tuốt nơ vít (Tua vít) đẹp	Cây	10	Loại đầu bake PH2, chiều dài 200mm. Phần mũi vít được làm từ thép CR-V		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
258	Van ống nước phi 21	Cái	30	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

259	Van ống nước phi 27	Cái	30	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
260	Van ống nước phi 34	Cái	30	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
261	Van ống nước phi 49	Cái	30	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
262	Vít thử điện 2 đầu	Cây	10	Tay cầm bọc nhựa, cách điện tốt. Dùng để kiểm tra nguồn điện dân dụng. Sử dụng với nguồn điện từ 100-500V. Đầu tiếp điện làm bằng thép C45 chắc chắn		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

263	Vòi củ sen lạnh	Cái	20	Được sử dụng cho 1 đường nước lạnh. Chất liệu: thân inox. Có 2 ngã chia nước: 1 gắn vào bộ hoa sen tắm, 1 xả sàn hoặc xả xô.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
264	Vòi rửa mặt lavabo inox	Cái	30	Chất liệu: Inox SUS304 nguyên chất không gỉ. Cao khoảng 15-20cm.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
265	Vòi rửa mặt lavabo inox cao	Cái	20	Chất liệu Mạ Cr-Ni đạt tiêu chuẩn Nhật Bản. Áp lực nước: 0.05 MPa ~ 0.75 Mpa. Dùng co chấu rửa mặt lavabo.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
266	Xà bông bột 800g	Bịch	581	Sử dụng giặt tay hoặc giặt máy. Công nghệ tỏa hương mới với hạt lưu hương. Trọng lượng 800g.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

267	Xịt phòng	Chai	56	Hương thơm dễ chịu, thanh khiết lưu hương dài lâu. Dung tích 280ml.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
268	Xô nhựa 10L có nắp	Cái	2	Chất liệu: nhựa PP có nắp đậy. Kích thước: 27.5x26.3x26.2cm. Dung tích 10L.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
269	Xô nhựa 20 lít	Cái	4	Dung tích: 20 lít, có nắp đậy, hình dáng tròn, chất liệu: Nhựa		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
270	Xô inox 10 lít có nắp	Cái	2	Chất liệu: Inox Đường kính: 22cm Cao: 26cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

271	Vách ngăn bình phong 4 tấm	Cái	2	Chất liệu: Khung sắt sơn tĩnh điện, vải dày Kích thước: cao 1m65 * ngang 0.5 mỗi tấm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
272	Máy hàn TIG que Inverter HK TIG 200A	Cái	1	Có chế độ bảo vệ quá nhiệt, quá tải, nguồn điện không ổn định. Máy hàn có thể hoạt động ở môi trường điện yếu ($\geq 180V$) Có 2 chức năng: hàn que và hàn khí Argon(TIG), AC (hàn nhôm) và DC (hàn đồng, sắt, Inox). Sử dụng máy trong môi trường điện yếu ($\geq 180V$) Kích thước là : 440x270x320		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
273	Cây hút chì	Cái	2	Kích thước : dài 33cm Đường kính (ống) từ 28mm - 35mm Màu : Xanh -Chất liệu : nhựa		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

274	Giấy nhám mài mịn	Tấm	4	Giấy nhám có độ mịn cao từ 1000 đến 7000 (siêu mịn) Phù hợp cho sử dụng ướt và khô Kích thước: 28 x 23 cm Màu: Đen - Chất liệu: Alumina		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
275	Cưa sắt Stanley 15	Cái	1	10" Cưa sắt Stanley 15-265 Khung thép cứng, chắc chắn. Tay cầm êm, thoải mái. Chiều dài: 10" (~254mm) Chiều sâu: 3-7/8" (~98mm)		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
276	Đĩa mài giấy nhám	Cái	4	Chà nhám thép không gỉ (Inox) Đĩa nhám xếp trên tấm mang được làm từ sợi thủy tinh. Phiên bản thẳng - để chà mài bề mặt chà nhám các đường hàn ở góc 5-15°		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
277	Đĩa mài bánh xốp inox	Cái	4	Đề đánh bóng bước cuối cùng, hay còn gọi là lơ đánh bóng Kích thước: Đường kính 10cm Lỗ trục: 16mm Dùng lắp vào các máy mài cầm tay		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

278	Đuôi đèn sứ chịu nhiệt ren xoáy E27 SU4	Cái	8	Chịu tải 5A-250V. Dùng thay thế đuôi sứ trong bóng sợi. Đuôi chịu được nhiệt độ cao, không rớt bóng.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
279	Máy cắt sắt cầm tay	Cái	1	Tốc độ không tải: 11,000 Kích thước: 258 x 118 x 97mm (10-1/8" x 4-5/8" x 3- 13/16") Công suất: 710W Đường kính lưỡi mài: 100mm (4")		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
280	Đồng hồ oxy Tanaka Venus CGA 540L	Cái	2	Là dòng đồng hồ điều áp Oxy chất lượng cao chuyên dùng để kiểm soát áp suất khí Oxy trong các hệ thống. Với kết nối chuẩn CGA- 540L, thiết bị phù hợp với các bình khí Oxy công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tê, cho phép người dùng điều chỉnh áp suất Oxy ra một cách an toàn và chính xác.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

281	Van chống cháy ngược oxy-Acetylen	Cái	2	<p>Van chống oxy cháy ngược</p> <p>Vật liệu: Đồng thau C3604</p> <p>Đầu vào: M16 x 1.5 ren trong (JIS-2)</p> <p>Đầu ra: M16 x 1.5 ren ngoài (JIS-2)</p> <p>Áp lực tối đa: 0.99 Mpa</p> <p>Kích thước: Ø29 x 78 mm</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
282	Bộ lõi ống đồng Value VFT-808-IS	Bộ	1	<p>Trọng lượng: 1,5 kg</p> <p>1 bộ lõi, 1 kẹp hệ inch dùng cho máy lạnh (số lẻ), không có dao cắt, hộp giấy</p> <p>Dùng cho các ống cỡ: 6, 8, 10, 12, 16, 19mm</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày

283	Bộ lục giác 9 món Bosch	Bộ	1	<p>Thiết kế chữ L tối ưu, giúp tăng lực siết và tháo vít dễ dàng.</p> <p>Sản phẩm làm từ thép S2 tăng cứng, bền bỉ, chống mài mòn và hạn chế bo tròn đầu lục giác.</p> <p>Bộ chìa vặn Bosch 1600A01TH5 gồm 9 kích thước lục giác khác nhau. Hộp đựng nhỏ gọn giúp bảo quản</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 1.5 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 2.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 2.5 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 3.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 4.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 5.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 6.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 8.0 mm</p> <p>1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 10.0 mm</p>		<p>Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh</p>	3 ngày	7 ngày
-----	-------------------------	----	---	---	--	--	--------	--------

284	Kềm cắt chân linh kiện	Cái	2	Lưỡi kìm cắt được làm từ thép Cán kìm được bọc nhựa Chiều dài cán kìm: 100 mm Trọng lượng: 20 gram Kích thước: 12,5cmx7,5cm		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
285	Lông đèn 8ly	Kg	1	Được làm bằng sắt đã được xi mạ. Đường kính trong: 8ly. Đường kính trong: 8 ly. Dày 1 ly.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
286	Lông đèn 10ly	Kg	1	Vòng đệm phẳng inox 304 Đường kính trong 10 (mm) Đường kính ngoài 20 (mm) Độ dày 1,5 (mm) Vật liệu cấu tạo: Inox 304 Màu sắc: Inox 304		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

287	Găng tay nilon tự huỷ sinh học	Hộp	100	<p>100% phân hủy sinh học: được làm từ nguyên liệu sinh học PBAT và PLA</p> <p>Găng tay có khả năng phân hủy hoàn toàn thành mùn, nước và CO₂ trong vòng 6 - 12 tháng</p> <p>An toàn vệ sinh thực phẩm: không chứa các chất phụ gia độc hại.</p> <p>Chống thấm tốt: chất liệu dai, bám tay, chống thấm tốt</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
288	Chai thông cống	Chai	20	<p>Axit thông cống</p> <p>Thành phần: Axit phân hủy, H₂SO₄ kết tủa, bazo sunfat.</p> <p>Trọng lượng: 1600ml</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
289	Pin chuông gọi cửa 12V A23	Cục	40	<p>Thương hiệu : GP</p> <p>Loại pin : 23F – 2C5</p> <p>Điện áp : 12V</p> <p>Chất liệu : pin alkaline</p> <p>Sản xuất tại : Hong Kong</p> <p>Số lượng : Vi 5 viên</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
290	Dép nhựa màu trắng không có lỗ (đi hành lang phòng mổ)	Đôi	30	<p>Bít mũi, nhựa xốp nhẹ, êm chân, không có lỗ</p> <p>Quy cách hàng hóa: Size 35-44</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ	3 ngày	7 ngày

						Chí Minh		
291	Máy sấy tóc lớn (sấy tóc cho bệnh nhân)	cái	1	Thân máy bằng nhựa cao cấp nhẹ, bền, ít bám bẩn Chế độ: 3 loại Sấy nóng và sấy lạnh Tự ngắt điện khi hoạt động quá tải Công suất: 1800W		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
292	Tấm Simili màu trắng loại dày (bọc bàn khám)	mét	5	Tấm nhựa simili trắng trong (dày 1.6 mm, rộng 130 cm, dài 160 cm) dùng để bọc bàn khám		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
293	Giá đựng giấy vệ sinh	cái	25	Kích thước 201x120x78mm Chất liệu: kim loại		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

294	Khăn trải bàn màu trắng	tám	14	Kích thước: 1m6*2m màu trắng		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
295	Ống keo tản nhiệt	Ống	10	Keo tản nhiệt CPU ống chích (xi lanh) Màu: xám Dẫn nhiệt: >1.93w/m-k Cách nhiệt: <0.225 Celsius - in2/W Dùng tản nhiệt làm mát cho CPU Làm tăng khả năng giải nhiệt của quạt Làm mát, làm giảm quá trình quá nhiệt của bộ vi xử lý Sử dụng Keo tản nhiệt làm mát CPU làm cho hiệu suất truyền tải nhiệt ra ngoài tốt hơn.		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

296	Nắp bồn cầu	Cái	4	<p>Chất liệu: Nhựa</p> <p>Nắp nhựa với núm cao su tiện lợi, khi thay sửa không phải mở đàng sau</p> <p>Kích thước: 44,5 đến 49 cm (khoảng cách từ tim lỗ đến mép, điều chỉnh được) x 36 cm (chiều ngang nắp)</p> <p>Khoảng cách tim lỗ: 13 đến 16 cm</p> <p>Nắp dày với trọng lượng lên tới 2kg, độ trắng cao, bền bỉ siêu tốt</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
297	Giá đựng chai sát khuẩn tay nhanh	Cái	12	<p>Chất liệu : inox 304 không gỉ sét</p> <p>Kích thước : 10cm x 8cm x cao 18cm</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
298	Nước thông cống	Chai	4	<p>Thành phần: Sodium Hydroxide (2%), Hypochlorite, Surfactant, Axit clohidric.</p> <p>Công dụng: Phân hủy và làm mềm các chất thải, vật cản gây tắc nghẽn đường ống cống</p> <p>Trọng lượng: 500ml</p>		Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

299	Cước kim loại	Cái	25	Được cấu tạo bởi các sợi cước. Giúp làm sạch các vết bẩn trên xoong, chảo, chén, đĩa và các dụng cụ nhà bếp.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
300	Giá đựng xà bông	Cái	7	Kích thước: 17.2x10.8x5cm (dài x rộng x cao) Chất liệu: kim loại Khả năng chịu lực tốt	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
301	Giấy gói thuốc thang kích thước 40x40cm	Tờ	500	Thớ giấy có keo nên dai bền, chịu lực kéo, lực xé, trọng lực tốt, phục vụ tốt cho việc vận chuyển, đóng gói. Giấy dai không bỏ nên khó thấm nước hơn các loại giấy khác, khả năng chống ẩm cao bảo vệ được phẩm khỏi nấm, mốc Dễ dàng phân hủy, không gây ô nhiễm môi trường.	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
302	khăn chuyên dụng lau máy	cái	5	Kích thước: 25cm*25cm, màu xanh	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày

303	chuông báo	cái	2	Chuông cửa không dây Khoảng cách: 50m Model: AT-913M Nhiều kiểu chuông Xuyên tường, xuyên gỗ, xuyên vật cản	Bệnh viện, huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	3 ngày	7 ngày
-----	------------	-----	---	--	---	--------	--------

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

II. Danh mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽⁴⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1								
2								
...								
	Chi phí dự phòng		a%					

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ⁽²⁾
1	<i>Ghi nội dung dịch vụ 1</i>				
2	<i>Ghi nội dung dịch vụ 2</i>				
..					
n	<i>Ghi nội dung dịch vụ n</i>				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư điền các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu tại Mục 15.10 E-CDNT và Mục 4 Chương III.

Mẫu số 02A (webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Bảo đảm dự thầu*: ___ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ___ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư⁽⁵⁾.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT

không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(5) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

Mẫu số 02B (webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu* : ___ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ___ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của cá nhân nhà thầu (hoặc thành viên được nhóm cá nhân phân công theo văn bản thỏa thuận) khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ___ tháng ___ năm ___

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ___
[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [*ký, ghi rõ họ tên*]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [*ký, ghi rõ họ tên*]

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ___ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ___ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ___ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh <i>(Hệ thống tự động trích xuất)</i>	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh:___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày___tháng___năm___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường

hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thoả thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05A (webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾**
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>	
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	<i>[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]</i>	
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>	
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>	

6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các thông tin khác (nếu có)]</i>
----------------------	--

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05B (webform trên Hệ thống)**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số lượng nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 07 (webform trên Hệ thống)

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA
TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG
QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu

từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾***(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

Cột (8): Nhà thầu điền

() Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.*

Mẫu số 10B (webform trên Hệ thống)**ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa thứ 1									
2	Hàng hóa thứ 2									
...										
n	Hàng hóa thứ n									

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (9), (10): Hệ thống tự động trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSĐT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (11): Hệ thống tự trích xuất (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C).

Mẫu số 11.1 (webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1A]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M) + (I) [Hệ thống tự tính]

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1B]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A]
3	Chi phí dự phòng	(C)=a% x ((M)+(I)) [Hệ thống tự tính]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M) + (I) + (C) [Hệ thống tự tính]

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp

STT	Nội dung	Giá dự thầu
-----	----------	-------------

I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	(G1)
1.1	Giá hàng hóa	(M1) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1C]</i>
1.2	Dịch vụ liên quan	(I1) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13B]</i>
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	(G2)
2.1	Giá hàng hóa	(M2) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.1C]</i>
2.2	Dịch vụ liên quan	(I2) <i>[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13B]</i>
2.3	Chi phí dự phòng	(C)=a% ((M2)+(I2))
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	(G1) + (G2) <i>[Hệ thống tự tính]</i>

Mẫu số 11.2 (webform trên Hệ thống)**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2A]
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2A]
3	Dịch vụ liên quan	(I) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A]
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I) [Hệ thống tự tính]

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2B]
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2B]
3	Dịch vụ liên quan	(I) [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13A]
4	Chi phí dự phòng	(C) = a% x ((M1) + (M2) + (I))
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I) + (C) [Hệ thống tự tính]

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$G1=(M1)+(M2)+(I1)$
1.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(M1)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2C]
1.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(M2)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2C]
1.3	Dịch vụ liên quan	$(I1)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13B]
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$G2=(X1)+(X2)+(I2)+(C)$
2.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	$(X1)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2C]
2.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	$(X2)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12.2C]
2.3	Dịch vụ liên quan	$(I2)$ [Hệ thống trích xuất từ Mẫu 13B]
2.4	Chi phí dự phòng	$(C)=a\% \times ((X1)+(X2)+(I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	$(G1) + (G2)$ [Hệ thống tự tính]

Mẫu số 12.1A (webform trên Hệ thống)
BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M1
											
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Mẫu số 12.1B (webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M1
											
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Mẫu số 12.1C (webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA*(áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)***I. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											
											
	Hàng hóa thứ n											
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M1)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M1) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

II. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hóa thứ 1											M1
											
	Hàng hóa thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M2)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M2) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Mẫu số 12.2A (webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA***(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)***I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)		
Tổng																<i>(M*)</i>		<i>(MI)</i>

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (14), (16): Nhà thầu điền;

(13), (15), (17): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M^*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án)	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) =(12)-(13)	(15) =(10)x(14)	(16)	(17) =(15)+(16)	(18) =(10)x(13)	(19)	(20) =(17)+(18)+(19)			
Tổng																			(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (13), (16), (19): nhà thầu điền;

(14), (15), (17), (18), (20): Hệ thống tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp

hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Mẫu số 12.2B (webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng <i>[ghi theo phạm vi cung cấp]</i>	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)	
Tổng																<i>(M*)</i>	<i>(MI)</i>

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (14), (16): Nhà thầu điền;

(13), (15), (17): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M^*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá đề so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) =(12)-(13)	(15) =(10)x(14)	(16)	(17) =(15)+(16)	(18) =(10)x(13)	(19)	(20) =(17)+(18)+(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (13), (16), (19): nhà thầu điền;

(14), (15), (17), (18), (20): Hệ thống tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Mẫu số 12.2C (webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA***(áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)***I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói****I.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam**

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT)	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
Tổng													<i>(M*)</i>		<i>(M1)</i>	

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (14), (16): Nhà thầu điền;

(13), (15), (17): Hệ thống tự tính. Thành tiền (M^*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh

giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

I.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) =(12)-(13)	(15) =(14)x(14)	(16)	(17) =(15)+(16)	(18) =(10)x(13)	(19)	(20) =(17)+(18)+(19)													
Tổng																									(M*)							(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (13), (16), (19): nhà thầu điền;

(14), (15), (17), (18), (20): Hệ thống tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp

hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

II.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)		
Tổng																(X*)		(XI)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (14), (16): Nhà thầu điền;

(13), (15), (17): Hệ thống tự tính. Thành tiền (X*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) =(12)-(13)	(15) =(10)x(14)	(16)	(17) =(15)+(16)	(18) =(10)x(13)	(19)	(20) =(17)+(18)+(19)
Tổng															(X*)			(X2)	

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

(12), (13), (16), (19): nhà thầu điền;

(14), (15), (17), (18), (20): Hệ thống tự tính; Thành tiền (X*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Mẫu số 13A (webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN***(áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)*

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (Cột 3x7)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (3) nhà thầu tự điền.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Hệ thống tự tính.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN*(áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)***I. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng trọn gói**

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I1)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (3) nhà thầu tự điền.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Hệ thống tự tính.

II. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng theo đơn giá

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I2)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (3) nhà thầu tự điền.
- Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 14A (webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.10 E-CDNT và Mục 4 Chương III. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Các cột (1), (2), (3), (4): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

- Nhà thầu điền vào các cột (5), (6), (7), (8).

- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3) hoặc (4) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

(7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Mẫu số 15B (webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

Ghi chú:

- (1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 15A.
 (2): Hệ thống tự động trích xuất đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5), (6): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 15C (webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
						Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa) (G)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$	$D(\%)=G^*/G$
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Hàng hóa thứ 1						
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 15A

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Hệ thống trích xuất giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Hệ thống trích xuất giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè;

Tên dự toán mua sắm: mua sắm vật dụng rẻ tiền năm 2025-2026 tại Bệnh viện huyện Nhà Bè;

Tên chủ đầu tư: Bệnh viện huyện Nhà Bè;

Địa điểm: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

Toàn bộ hàng hóa mới 100%.

Năm sản xuất hàng hóa: từ năm 2024 trở về sau.

Thời hạn sử dụng của hàng hóa: ≥ 12 tháng kể từ ngày sản xuất; ≥ 6 tháng kể từ ngày nhận hàng.

Khi giao nhận hàng hóa: nhà thầu phải cung cấp chứng từ theo đúng Mục 8, Mục 9, Mục 10 E-ĐKC của E-HSMT.

Yêu cầu về đóng gói, vận chuyển hàng hóa: thực hiện theo Mục 18 và 20 E-ĐKC.

Hàng hóa phải đáp ứng các thông số quy định tại Bảng phạm vi cung cấp đáp ứng tính hợp lệ.

Hàng hoá chính hãng theo thông tin dự thầu, chủ đầu tư được quyền yêu cầu và nhà thầu cam kết đáp ứng việc cung cấp chứng từ, hồ sơ chứng minh sản phẩm là chính hãng sản xuất.

Sự phù hợp của hàng hóa theo quy định của E-HSMT tại Mục 15, Chương 1, Chi dẫn nhà thầu.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-

HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp Bên mời thầu nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/ dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bàn chải hình bàn chân	Chất liệu nhựa. Lông bàn chải mềm vừa phải. Thiết kế hình bàn chân dễ thương, nhỏ gọn.
2	Bản lề cửa nhôm	Bản lề góc cửa nhôm, dùng cho cửa nhôm hệ 700 Kích thước (10x4)cm
3	Bản lề tự động 2 chiều	Bản lề inox cao cấp 304, tự động đóng mở 2 chiều. Kích thước: 10cm. Độ dày cửa 30-35mm, Tải trọng 25-30kg. Góc Đóng mở: 180 độ
4	Băng keo điện đen	Được cấu tạo từ lớp màng film PVC và lớp keo rubber đặc biệt. Độ dày màng film và keo băng dính điện: 100micron. Độ dẫn dài băng dính điện: 200% Độ rộng băng dính điện: 18mm. Độ dài 20yards. Màu đen
5	Băng keo điện trắng	Được cấu tạo từ lớp màng film PVC và lớp keo rubber đặc biệt. Độ dày màng film và keo băng dính điện: 100micron. Độ dẫn dài băng dính điện: 200% Độ rộng băng dính điện: 18mm. Độ dài 20yards. Màu trắng.
6	Băng keo non vàng	Dùng dán các kẽ hở đường ống nước, rãnh, răng của thiết bị nước. Chất liệu: Poly tetra fluoro ethylene Vỏ cuộn: Nhựa màu vàng, lõi màu trắng. Kích thước: 0,075m x 0.1m x 20m.

7	Bao nylon đựng rác vàng 44*55cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 44*55cm, có logo y tế theo quy định.
8	Bao nylon đựng rác vàng 60*70cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 60*70cm, có logo y tế theo quy định.
9	Bao nylon đựng rác vàng 90*120cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu vàng, kích thước 90*120 cm, có logo y tế theo quy định.
10	Bao nylon đựng rác xanh dương 44*55cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu xanh, kích thước 44*55cm, có logo y tế theo quy định.
11	Bao nylon đựng rác xanh dương 60*70cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 40mic, màu xanh dương, kích thước 60*70cm, có logo y tế theo quy định.
12	Bao nylon đựng rác xanh dương 90*120cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 50mic, màu xanh dương, kích thước 90*120cm, có logo y tế theo quy định.
13	Bao Nylon rác tái chế 90*120 cm	Bao chất liệu HDPE, miệng và đáy túi vuông góc. Độ dày 50mic, màu trắng, kích thước 90*120cm, có logo y tế theo quy định .

14	Bao nylon trắng 10*15cm	Bao kiếng PP có độ trong suốt, bóng, đẹp, bền, dai. Độ dày 7zem. Kích thước: 10x15cm.
15	Bao nylon trắng 7*12cm	Túi kiếng PP có độ trong suốt, bóng, đẹp, bền, dai. Độ dày 7zem. Kích thước: 7x12cm.
16	Bao xốp đen loại 3 kg có quai	Chất liệu HDPE dẻo, màu đen có 2 quai xách. Kích thước đáy 30cm
17	Bao xốp trắng loại 0,5 kg có quai	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 15cm
18	Bao xốp trắng loại 1 kg có quai	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 20cm
19	Bao xốp trắng loại 10kg có quai	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 50cm
20	Bao xốp trắng loại 2kg có quai	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 24cm

21	Bao xốp trắng loại 5kg có quai	Chất liệu HDPE nguyên sinh loại 1, màu trắng có 2 quai xách. Kích thước đáy 30cm
22	Bass L 10 cm	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 10cm
23	Bass L 15cm	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 15cm
24	Bass L 2cm	Ke góc vuông chữ L, chất liệu thép mạ kẽm. Kích thước 2cm
25	Bass Lavapo	Chất liệu: thép không rỉ. Chịu lực tốt . Dùng gắn cho lavapo sứ .
26	Bình xịt côn trùng	Dùng diệt côn trùng, muỗi, gián. Mùi hương dịu nhẹ. Dung tích 600ml.
27	Bộ 5 ống gen cách điện sợi thủy tinh 2,4,6,10,14mm chịu nhiệt cao (1 mét)	Sợi thủy tinh có tác dụng cách nhiệt và chống cháy cho các đầu nối dây tỏa nhiệt cao. Kích thước: phi 2, 4, 6, 10, 14*1m. Khả năng chịu nhiệt: từ -20°C đến 130°C

28	Bộ Bóng đèn led 60 cm	Đèn LED tuýp 12W, kích thước bóng dài 60cm + máng đèn led, MPE hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn. Quang thông (lm) : 1100 Màu ánh sáng (K) : 6500 Tuổi thọ (giờ) : 25.000
29	Bộ đàm	<p>Dải tần : UHF-M1: 440 – 480mHz Số kênh nhớ : 16 CH Công suất phát : 04 w Đáp ứng tiêu chuẩn IP - 54/55 về khả năng chịu nước, va đập, mưa, bụi của Quân đội Mỹ MIL - STD 810 Thiết kế thon, mỏng và rất nhẹ trọng lượng chỉ có 203 gam Kích thước : 54 x 113 x 24,9mm Công suất loa 500 mW / 8 Ω cho chất lượng âm thanh to và rõ ràng . Đồng bộ gồm: Thân máy, pin Lithium KNB-63L - 1130mAh, sạc bàn KSC35s, anten KRA-27, cài lưng, hướng dẫn sử dụng (Thiết bị nhập khẩu đồng bộ từ Singapore) Bảo hành thân máy 24 tháng, phụ kiện 06 tháng)</p>
30	Bộ đèn led 1m2	<p>Thân máng được làm từ thép, sơn tĩnh điện. Chân đèn và khung cách điện bằng nhựa PC/ABS, khả năng chống cháy và cách điện cao Điện áp làm việc: 175-265VAC Tần số: 50/60Hz Công suất: 18W Màu ánh sáng (K) : 6500 Tuổi thọ (giờ) : 30.000 Quang thông: 2000 lm Chỉ số hoàn màu (Ra): > 80</p>

31	Bộ giữa cơ khí 5 món	Chất liệu thép T12, chiều dài 200mm. Bộ giữa sắt 5 chi tiết: 1 giữa sắt hình dẹp, 1 hình bán nguyệt, 1 hình tròn, 1 hình tam giác, 1 hình vuông. Trọng lượng: 0.5kg Cán bằng nhựa, cao su màu trắng và xanh.
32	Bộ Tua Vít Sửa Chữa Đa Chức Năng Deli 33 Món Cao Cấp - Chất Liệu Siêu Bền, Thiết Kế Gọn Nhẹ Tinh Tế - DL1033D	Chất liệu: Thép CR-V. Vật liệu tay cầm: PP + TPR. Kích thước sản phẩm: 134*104*30mm . Trọng lượng: 0,24kg Thành phần gồm có: 1 tay cầm 118mm. Một nhíp 111mm. 1 thanh nối dài . 30 đầu vít kích cỡ khác nhau.
33	Bộ vòi sen	Chất liệu nhựa ABS. Bao gồm: tay sen, dây 1.5m và ốc vít.
34	Bộ xả bồn cầu	Sử dụng được cho các loại có kết nước rời. Sử dụng cần gạt bên hông, một chế độ xả. Giăng cao su chống lão hóa giúp tăng độ bền. Gioăng đóng nước bằng silicon siêu bền.
35	Bộ xả lavabo inox (đơn)	Chất liệu: Xả chậu lavabo Inox SUS304. ống thải chữ P ngăn mùi hôi thoát từ ống lên lavabo.

36	Bộ xả lavabo sứ	Ống xả được làm từ chất liệu ABS, cứng, lớp nhựa dày. Phần thân được thiết kế xếp gấp thu ngắn hoặc kéo dài, chiều dài khi thu gọn là 40cm, chiều dài kéo ra tối đa tới 95cm. Đầu ống xả thiết kế tiêu chuẩn với đường kính bề mặt inox 6cm, phù hợp tương thích với mọi bồn rửa mặt (lavabo).
37	Bộ xịt vệ sinh	Dây cấp được làm nhựa PVC đan chỉ Nylon. Chiều dài dây cấp bằng nhựa 1.2m. Ốc nối bằng inox, dài 1.5m.
38	Bộ xoay cơ quạt (nhông quay)	Dùng thay thế bộ nhông quay của các quạt Bàn, treo, lửng, lón thông thường và quạt Senko.
39	Bộ xoay điện quạt treo tường	Điện áp: 220v – 4w Sử dụng cho các loại quạt (quạt bàn, đứng, treo tường).
40	Bóng đèn 2U	Bóng đèn Bóng 2U compact 8W có kích cỡ rất nhỏ gọn.
41	Bóng đèn led 1m2	Công suất 18W Ánh sáng trắng, dạng led tuýp Dễ lắp đặt trong mọi không gian Điện áp: 100-240V. Không nhấp nháy trong quá trình sử dụng Quang thông (lm): 2000 Màu Ánh sáng (K): 6500 Tuổi thọ (giờ) : 30.000

42	Bóng đèn led 60cm	Kích thước 60cm; Công suất 10W, Ánh sáng trắng, dạng led tuýp. Dễ lắp đặt trong mọi không gian; Điện áp: 100-240V. Không nhấp nháy trong quá trình sử dụng. Quang thông (lm): 850 Màu ánh sáng (K) : 6500 Tuổi thọ (giờ) : 30.000 Chỉ số hoàn màu (Ra): ≥ 82
43	Búa đóng đinh	Được chế tạo từ chất liệu hợp kim thép cứng cáp, chống mài mòn, chịu được lực cao làm cho sản phẩm được bền lâu hơn - Cán gỗ chắc chắn giúp êm tay khi sử dụng. Trọng lượng 500g
44	Bút thử điện 2 đầu	Tay cầm bọc nhựa, cách điện tốt. Dùng để kiểm tra nguồn điện dân dụng. Sử dụng với nguồn điện từ 100-500V. Đầu tiếp điện làm bằng thép C45 chắc chắn
45	Cần gạt nước nhựa cho bồn cầu	Tay gạt dùng thay thế cho các loại bồn cầu gạt trước. Chất liệu kim loại
46	Cánh quạt	Chất liệu nhựa PVC. Sử dụng cho các loại quạt co lồng đường kính 30cm.
47	Cặp eke sắt 35cm	Sản phẩm bao gồm: cặp ke + vít + tắc kê. Giá đỡ được làm bằng sắt, đã phun phủ 1 lớp sơn tĩnh điện. Kích thước 35cm.

48	Cặp Ray trượt 3 tầng	Cấu tạo gồm 3 thanh thép cán nguội trượt trên hệ thống bi xếp song song. Ray 3 tầng bản 35mm dày 0.8mm dài 300mm
49	Cầu dao CB 2 tép 40A	Cầu giao tự động Cường độ dòng điện: 40ATự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Điện áp định mức 240VAC/415VAC.Dòng cắt ngắn mạch 10kA/06kA.
50	Cầu dao CB cóc 20A	Số cực: 2P. Dòng điện định mức: 20A. Dòng cắt ngắn mạch: 1.5kA. Điện áp định mức: 240VAC.
51	Cầu dao CB cóc 30A	Số cực: 2P. Dòng điện định mức: 30A. Dòng cắt ngắn mạch: 1.5kA. Điện áp định mức: 240VAC.
52	Cầu dao CB tép 32A	Cầu giao tự động Cường độ dòng điện: 32ATự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Điện áp định mức 240VAC/415VAC.Dòng cắt ngắn mạch 06kA.
53	Cây lau nhà	Cây lau nhà được làm từ nhựa PP nguyên sinh và Inox cao cấp, siêu bền về tuổi thọ sản phẩm. Cây lau cán inox, có tay cầm bằng nhựa, đầu tròn, vắt tay có trợ lực.Thiết kế các rãnh khớp với chốt hãm thông minh, vắt đến đâu, chốt tự hãm ống xoắn đến đó, giúp tiết kiệm công sức hiệu quả cho việc lau nhà

54	Chai xịt phun sương 300ml đựng cồn	<p>Chất liệu: Nhựa PET Dung tích: 300ml. Loại nắp: Nắp nhựa vặn có vòi phun sương Màu sắc: Màu trắng trong suốt, màu trắng mờ, màu trắng đục, màu nâu. Có thể đặt hàng các màu sắc khác nhau.</p>
55	Chân ốc chốt nhựa nắp bồn cầu	<p>Chất liệu: Nhựa ABS bền - Sử dụng lắp thay thế hầu hết các loại bồn cầu. - Ốc chốt dùng thay thế cho các loại nắp thường, cầu bệt 2 khối kết nước rời. - Sản phẩm bao gồm chân chốt ngang (dài 7.5 cm), chân chốt dài (10.5 cm), ron cao su, nắp chụp</p>
56	Chì hàn cuộn lớn	<p>Chì hàn cuộn lớn, đường kính dây 0.8mm. Đây là loại chì hàn cho chất lượng tốt, ít khói, dẫn điện tốt, nhiệt độ nóng chảy phù hợp sử dụng cho các loại mỏ hàn từ 40W trở lên. Trọng lượng cuộn chì : 100g</p>
57	Chổi cao	Cán dài, túi quét dày, cứng
58	Chổi cỏ	<p>Chất liệu bông cỏ thiên nhiên Chổi được cuốn bằng kẽm hảo hạng, chống gỉ sét, bền chắc, không đứt, sỏ, bung. Trọng lượng chổi ~400gr</p>
59	Chổi nilon	Chổi quét bụi lớn chất liệu bằng sợi nilon. Dài 50cm

60	Chốt cửa ngang loại vừa	Thân chốt đc làm bằng Inox không gỉ. Kích thước: 1060mm x 43mm x Đường kính 10mm. Được sử dụng làm chốt cửa phòng hoặc cổng chính.
61	Chốt inox âm cửa nhôm loại tốt (chốt cửa bật lên xuống)	Được thiết kế lắp âm với thanh gạt lên xuống để bật chốt. Chất liệu hợp kim inox. Dùng để lắp cửa nhôm.
62	Chốt khóa sò dùng cho cửa sổ lùa	Dùng cho cửa mở trượt, mở lùa.
63	Chuôi đèn xoay	Điện áp hoạt động: 250V ~ 4A. Công suất chịu tải: 1000W. Loại chuôi: E27. Chuôi đèn có thể xoay 2 chế độ góc chiếu sáng tùy nhu cầu sử dụng (45 độ -90 độ).
64	Co 21	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 21$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.
65	Co 27	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 27$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.
66	Co 34	Dùng chỉnh hướng đường ống $\Phi 34$ vuông góc 90 độ. Tiêu chuẩn áp lực: PN = 15 bar Chất Liệu: Nhựa PVC, chịu va đập, chịu áp lực. không hóa dẻo.

67	cọ lăn 5 phân	Để sử dụng trên các bề mặt nhỏ hẹp, góc cạnh Bề mặt bông mềm, mịn bám dính sơn tốt
68	cọ sơn 5 phân	Cọ dùng để sơn, quét bụi các vết bẩn.
69	Con trượt cửa lùa 4 bánh bi	Con trượt cửa lùa 4 bánh bi; Chất liệu: INOX 304, màu sắc: bạc mờ
70	Công tắc 1 chiều	Nắp công tắc làm bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập- không lão hóa dưới tác dụng của từ trường dòng điện. - Trục trượt mạ bạc – tiếp xúc tốt. - Đế công tắc làm bằng nhựa Polyamide chống cháy – nguyên chất (không có mùi khét như nhựa phế liệu, tái sinh). - Bản trượt phủ lớp hợp chất Oxit Cadimi – Bạc (AgCdO12) đảm bảo theo tiêu chuẩn 40.000 lần tắt/bật. - Vít đồng đầu tròn tránh hiện tượng đứt dây khi siết.
71	Công tắc quạt vận	Dùng để điều chỉnh tốc độ quạt. Điện áp 250VAC 50Hz. Công suất 400VA.
72	Cùm 21 inox bắt ống nước	Cùm treo ống nước, chất liệu Inox, phi 21mm. Quy cách đóng gói 50c/1 bịch.

73	Cùm 27 inox bắt ống nước	Cùm treo ống nước, chất liệu Inox, phi 27mm. Quy cách đóng gói 100c/1 bịch.
74	Cước kim tuyến	Được cấu tạo bởi các sợi cước. Giúp làm sạch các vết bẩn trên xoong, chảo, chén, đĩa và các dụng cụ nhà bếp.
75	Cước xanh lớn 14x18cm	Chất liệu xơ tổng hợp chất kết dính hạt đá mài phụ gia. Dùng chùi rửa làm sạch các dụng cụ nhà bếp, chén đĩa, ly tách. Kích thước: 140x180mm.
76	Đá cắt kim loại CN 107x1.5x16mm	Đường kính ngoài : 107 mm Độ dày lưỡi cắt : 1.5 mm Đường kính trong: 16 mm Đóng gói: 25 viên/lốc
77	Đầu dù bắn ốc	Được chế tạo bằng thép CR-V, có độ cứng cao. Đầu bắn có tích hợp nam châm giúp giữ chặt vít không dễ bị rơi. Đường kính đuôi dùng gắn vào máy khoan: 8mm
78	Dầu massage 200ml (Johnson oil)	Dầu dùng massage Baby oil Dung tích: 200ml/ chai Là sản phẩm uy tín, có bảng thông tin chi tiết về sản phẩm hay Phiếu công bố sản phẩm

79	Đầu nối mạng RJ45	<p>Đầu nối dây mạng Lan RJ45. Được thiết kế chuyên dụng cho cáp Cat.6/6A, cho phép truyền tải internet với tốc độ Gigabit. Được làm bằng loại nhựa cao cấp độ bền cao, chịu được môi trường khắc nghiệt. Chân tiếp xúc được làm bằng hợp kim đồng mạ vàng, giúp chống oxy hóa, đảm bảo tiếp xúc tốt và truyền tín hiệu tốt nhất. Ứng dụng rộng rãi trong ngành mạng, phù hợp với các tiêu chuẩn IEEE 802.3, IEEE 802.3u... Thân thiện với môi trường.</p> <p>Đơn vị tính: Hộp 100 cái</p>
80	Dầu xả (pentine) 650ml	<p>Là dòng sản phẩm dầu xả chăm sóc tóc giúp mang đến cho bạn mái tóc suôn mượt và chắc khỏe hơn</p>
81	Dây điện 2 x 2.5 dẹp	<p>Dây cáp điện đôi dẹp, ruột đồng 5 cấp, cách điện. Cấp điện áp 450V - 750V AC. Sản xuất theo TCVN 6610-3 / IEC 60227 Chiều dày lớp vỏ cách điện 0.8mm. Đơn vị tính: Cuộn 100 mét</p>

82	Dây điện 2x1.5 dẹp (ô van)	<p>Dây cáp điện đôi dân dụng ô van 1.5 có tiết diện 1,5 mm², lõi bằng đồng chất lượng cao. - Số sợi/Đường kính sợi danh nghĩa: 30/0,25N0/mm - Kích thước dây gần đúng: 4,6 x 7,6mm - Điện trở DC tối đa ở 20 độ C: 13.3 Ω/km - Chiều dày cách điện danh định: 0.8 mm - Khối lượng dây gần đúng: 66 kg/km - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép của ruột dẫn là 70 độ C. - Nhiệt độ cực đại cho phép của ruột dẫn khi ngắn mạch trong thời gian không quá 5 giây là: 140 độ C, với tiết diện lớn hơn 300mm², 160 độ C với tiết diện nhỏ hơn hoặc bằng 300mm². Đơn vị tính: Cuộn 100 mét</p>
83	Dây điện đôi 1.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: Dây đôi 2 lõi - Tiết diện: 2×1.5 mm² (2×30/0.2) - Chất liệu: Ruột Đồng, Dây điện bọc nhựa
84	Dây điện đôi 2x2.5mm	<p>Dây cáp điện đôi dân dụng ô van 2.5 có tiết diện 2,5 mm², lõi bằng đồng chất lượng cao. - Số sợi/Đường kính sợi danh nghĩa: 50/0,25 N0/mm - Kích thước dây gần đúng: 5,6 x 9,3 mm - Điện trở DC tối đa ở 20 độ C: 7.98 Ω/km - Chiều dày cách điện danh định: 1.0 mm - Khối lượng dây gần đúng: 102 kg/km - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép của ruột dẫn là 70 độ C. - Nhiệt độ cực đại cho phép của ruột dẫn khi ngắn mạch trong thời gian không quá 5 giây là: 140 độ C, với tiết diện lớn hơn 300mm², 160 độ C với tiết diện nhỏ hơn hoặc bằng 300mm². Đơn vị tính: Cuộn 100 mét</p>

85	Dây điện đơn 1.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện: 1.5mm² - Kết cấu: 1/1,38 No/mm - Đường kính ruột dẫn: 1,38mm - Chiều dày cách điện: 0,7mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C: 12,1 Ω/km - Chất liệu cách điện: nhựa PVC
86	Dây điện đơn 2.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện 2.5mm² - Kết cấu 1/1,77 No/mm - Đường kính ruột dẫn 1.77 mm - Chiều dày cách điện 0,8mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C 7,41Ω/km - Chất liệu cách điện: Nhựa PVC
87	Dây điện đơn 4.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện 4.0mm² - Kết cấu 1/2,24No/mm - Đường kính ruột dẫn 2,24mm - Chiều dày cách điện 0,8mm - Vật liệu ruột dây dẫn: Đồng - Điện trở DC ở 20 độ C 4,61Ω/km - Chất liệu cách điện: Nhựa PVC
88	Dây điện thoại 2 lõi mềm	Dây điện thoại 2 đôi (2x2x0,5) đi trong nhà. Đơn vị tính: Cuộn 200 mét
89	Dây mạng CAT 6	Cáp CAT 6 chống nhiễu 2 lớp lõi chữ thập. Hỗ trợ chuẩn Gigabit Ethernet. - Thỏa tất cả các yêu cầu của Gigabit Ethernet (IEEE 802.3ab). - Băng thông hỗ trợ 600 MHz. - Hiệu suất 3dB NEXT trên chuẩn Cat 6. - Dây dẫn bằng đồng dạng cứng - solid, đường kính lõi 23 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Polyethylene, 0.0097in. - Vỏ bọc: 0.025in, PVC. - Nhiệt độ hoạt động: -20°C – 60°C. Đơn vị tính: Thùng 305 mét.

90	Dây ruột gà 20 x 50m	Chất liệu nhựa HDPE có tính chuyên dụng cao có khả năng chống lại ăn mòn, chịu lực, chịu nén, chịu hóa chất và nhiệt độ cao. Đường kính 20mm.
91	Dây rút 10x700 màu trắng	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài: 70cm. Chiều rộng: 10mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 70 sợi
92	Dây rút 3x10 màu trắng	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài : 10cm. Chiều rộng : 3mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi
93	Dây rút 4x150 màu trắng	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài : 15cm. Chiều rộng : 4mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi
94	Dây rút 8x400 màu trắng	Chất liệu Nhựa PA66 màu trắng. Chiều dài: 40cm. Chiều rộng: 8mm. Dùng để niêm phong, đánh dấu tùy mục đích sử dụng. Đơn vị tính: Bạch 100 sợi
95	Dây thun lớn	Chất lượng dai, khó đứt. Màu vàng, loại tốt, bản dày 0.1cm, đường kính 5cm. Đơn vị tính: Bạch 0.5kg
96	Dây thun nhỏ	Chất lượng dai, khó đứt. Màu vàng, loại tốt, bản dày 0.1cm, đường kính 2.5cm. Đơn vị tính: Bạch 0.5kg

97	Đế nổi	Đế nổi nhựa dùng cho kiểu S18, S186 và S18C, thiết kế vuông và nhựa chống cháy cho độ bền cao. Vỏ bọc bằng nhựa polyme chịu nhiệt cao, chống va đập.
98	Đèn bán nguyệt 1m2	Đèn Led Bán Nguyệt 1m2 36W. Ánh sáng trắng (6500K). Điện áp: 176-265VAC. Ánh sáng liên tục, không nhấp nháy, tốt cho thị lực. Tiêu chuẩn châu Âu CE - RoHS Chip LED: SMD2835. Chỉ số hoàn màu >80 Hệ số công suất (PF): >0.5 Góc chiếu: 120°. Quang thông: 3.600 lm
99	Đèn led Bulk công suất lớn 12W	Phù hợp với chuỗi đèn E27 thông dụng ngoài thị trường, dạng led bulk Đèn sử dụng Driver IC cho ánh sáng ổn định Sử dụng nhôm nguyên khối và hệ thống làm mát thông thoáng. Sử dụng công nghệ LED SMD hiện đại, tiết kiệm điện năng. Thân đèn bằng nhựa PC chịu nhiệt và bền với tác động vật lý Không chứa thủy ngân, thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng Điện áp danh định: 220V. Tần số: 50/ 60Hz. Công suất: 12W. Hệ số công suất: ≥ 0.5 . Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra. Nhiệt độ màu Daylight 6500K. Nhiệt độ làm việc: $-10 \div +40$ oC. Hiệu suất: ≥ 90 Lm/W.
100	Đèn led Bulk công suất lớn 30W	Phù hợp với chuỗi đèn E27 thông dụng ngoài thị trường, dạng led bulk Đèn sử dụng Driver IC cho ánh sáng ổn định Sử dụng nhôm nguyên khối và hệ thống làm mát thông thoáng. Sử dụng công nghệ LED SMD hiện đại, tiết kiệm điện năng. Thân đèn bằng nhựa PC chịu nhiệt và bền với tác động vật lý Không chứa thủy ngân, thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng Dải điện áp: 200 - 240V. Tần số: 50/ 60Hz. Công suất: 30W. Hệ số công suất: ≥ 0.5 . Tuổi thọ đèn: 30.000h. Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra. Nhiệt độ màu Daylight: 6500K. Nhiệt độ làm việc: $-10 \div +40$ oC Hiệu suất: ≥ 90 Lm/W
101	Đèn pin sạc điện	Chất liệu nhựa, kích thước 24cm sử dụng pin sạc. Thiết kế vừa tay cầm, nhỏ gọn, dễ sử dụng. Tuổi thọ của đèn rất lâu, ánh sáng mạnh.

102	Dép nhựa bít đầu (phòng thủ thuật)	Bít mũi, nhựa xốp nhẹ, êm chân Quy cách hàng hóa: Size 35-44
103	Dép tổ ong size lớn màu trắng	Chất liệu nhựa dẻo mềm và cao su thiên nhiên đi êm chân, siêu nhẹ và có lỗ thoáng khí chống thấm nước và trơn trượt. Màu trắng.
104	Đĩa cắt cỏ	Lưỡi cắt cỏ tròn, Đường kính trong: 20 mm. Đường kính ngoài: 105 m
105	Điện thoại bàn	Có 5 màu khác nhau: Trắng, đen, xanh dương, đỏ, xám. Gọi lại số điện thoại gần nhất. Phím điều chỉnh âm lượng. Điện thoại bàn có 3 mức điều chỉnh tăng, giảm âm lượng và chuông. Hàng chính hãng, có tem bảo hành. - Điều chỉnh kiểu quay số Tone/Pulse - Truyền cuộc gọi trong nội bộ
106	Điện thoại bàn (tổng đài)	Màn hình hiển thị LCD Kiểu điện thoại Điện thoại bàn có dây Bộ nhớ danh bạ 50 tên và số Chức năng gọi lại Lưu số gọi đến 50 số Lưu số gọi đi 20 số Chất liệu vỏ Nhựa Màu sắc Trắng Kích thước đóng gói 250mm x 200mm x 50mm Trọng lượng bao bì 500g Màn hình LCD hiển thị số gọi đến. Danh bạ 50 số. Gọi nhanh bằng 1 phím bấm: 20 số. Quay số nhanh: 10 số. SP-Phone (loa ngoài). Nhớ 50 số gọi đến, 20 số gọi đi. Chức năng tự động gọi lại. Chế độ câm tiếng, có nhạc chờ. Khóa bàn phím bằng mã. Đèn báo cuộc gọi. Có khe cắm tai nghe. Bàn lập trình tổng đài 12 trung kế, màn hình hiển thị 1 dòng .12 phím chức năng truy cập nhanh có đèn báo trạng thái.

107	Đinh thép 2p trắng	Chất liệu thép chắc chắn. Đinh thép dùng đóng tường, hộp 10 cây
108	Đồng hồ hẹn giờ	Màn hình 6 số, Hiện Giờ-Phút-Giây và % giây. Giờ và ngày tháng hiện tại. Giờ báo thức. Nhớ được 1 thời điểm tạm dừng (10 Lap). Chịu 50m nước (5 bar). Độ chính xác: 1/100s. Pin: CR-2032. Kích thước: 58mm x 68mm x 20mm
109	Găng tay cao su dài	Được sản xuất từ các nguyên liệu và hóa chất không độc hại, 100% cao su thiên nhiên. Bên trong găng tay dài được xử lý chống dính tạo cảm giác thoải mái dễ mang. Lòng bàn tay của găng tay cao su có hoa văn có độ bám dính cao, chống trơn.
110	Găng tay chống hóa chất loại tốt	Chống hoá chất tốt. Kích thước tương thích với người dùng. Độ bền cao. Sử dụng được nhiều lần.
111	Ghế nhựa cao 33x33x45cm	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh. Ghế nhẵn mịn, không có góc cạnh. Bề mặt trơn láng dễ dàng vệ sinh. Kích thước: 330x330x450cm.
112	Giảm 27>21	Nồi giảm PVC 27 xuống 21, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C

113	Giảm 34>21	<p>Nồi giảm PVC 34 xuống 21, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>
114	Giảm 34>27	<p>Nồi giảm PVC 34 xuống 27, quy cách đóng gói: 01 cái. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>
115	Giấy vệ sinh	<p>Thành phần chính: 100% bột giấy nguyên chất. Định lượng: 18 ± 2. Độ trắng 86, Đóng gói: 2 cuộn x 2 lớp, quy cách lõi 30mm. Cuộn có đường kính 105mm, cao 91mm</p>
116	Giấy vuông (hộp)	<p>Chất liệu: 100% bột giấy nguyên chất. Đặc tính: Giấy mềm mại, mịn màng Khô giấy: 330 x 330 mm. Giấy trắng tự nhiên và không có hoá chất tẩy trắng độc hại Đơn vị tính: Bịch 100 tờ</p>
117	Giỏ nhựa đại (53.5x37x26.5cm)	<p>Kích thước: tối thiểu 37 x 53,2 x 26,5 (cm) Chất liệu: Nhựa Màu sắc: Đỏ, hồng , xanh</p>

118	Giường xếp dây dù	Chất liệu vải: Vải dù cao cấp siêu bền. Chất liệu khung: Khung thép phi 25 sơn tĩnh điện. Kích thước sử dụng: Cao 30cm x Rộng 75cm x Dài 190cm. Khoảng cách từ mặt ghế ngồi đến mặt đất: 35cm. Tải trọng tĩnh: 160kg.
119	Gối kê chân cho bệnh nhân 30x60cm	Chất liệu ruột gối: bên trong chứa gòn trắng mịn mềm. Vỏ gối bằng chất liệu cotton với họa tiết đơn giản bắt mắt. Kích thước; 30x60cm. Chất liệu: đệm mút bọc vỏ vải, Kích thước phù hợp cho kê chân cao đều(60x30x15cm).
120	Gối nằm 40x60 + vỏ gối	Chất liệu ruột gối: bên trong chứa gòn trắng mịn mềm. Vỏ gối bằng chất liệu cotton hoặc thun với họa tiết đơn giản bắt mắt. Kích thước; 40x60cm
121	Hoa vải để bàn	Hoa làm bằng vải lụa cao cấp Chất liệu bình bằng sứ Tán xoè 35 - cao 40 -
122	Hộp đựng ly uống nước	Kích thước: 86x H24,5 x 69 Chất liệu: PS Quy cách đóng gói: 24 cái/thùng
123	Kệ dép nhựa 3 tầng (570*255*680mm)	Chất liệu bằng nhựa , có 3 tầng .Kích thước: 570*255*680mm

124	Kệ rổ nhựa 3 tầng đứng	Được làm bằng nhựa PP kích thước 355mm x 260mm x 286mm. Thân nhựa có 3 ngăn, tháo lắp đơn giản, khả năng lưu trữ 1 đến 200 tờ.
125	Kềm bấm chét cong Kapusi	Chất liệu bằng thép S2 CRV, độ cứng cao. Kích thước: 10", độ mở miệng tối đa: 45mm
126	Kềm bấm mạng	Kềm bấm cáp mạng đa năng, Bấm, tuốt, cắt cáp. Kiểu bấm: RJ45, RJ11, RJ12
127	Kềm cắt	Kềm cắt hạng nặng 7 inch/180 mm. Chất liệu: được làm từ thép hợp kim cứng cáp
128	Kềm điện	Kềm điện tổ hợp, Kích cỡ: dài 203 (8"), dùng để cắt, giữ, kẹp vật dụng.
129	Kềm mở phe	Chất liệu: Thép hợp kim cao cấp, Kích thước 6". Kềm phe mũi cong
130	Kềm mũi nhọn kiểm	Kiểm mỏ nhọn, Kích cỡ: dài 203 (8"), dùng để cắt, giữ, kẹp vật dụng. Màu sắc: vàng

131	Kèm rút rive 3 lỗ	Kèm rút rivê 3 lỗ (1/8 inch, 5/32 inch, 3/16 inch). Tay cầm màu cam, êm, nắm chặt, có móc khóa an toàn.
132	Keo (dùng cho súng bắn keo nhỏ)	Keo nền dùng gắn các chi tiết bằng vải, nhựa, gỗ, giấy...có thể dùng lửa nung chảy hoặc cho vào súng bắn keo để sử dụng. Kích thước: Đường kính keo 7mm x chiều dài 27cm (dùng cho súng nhỏ 20W).
133	Keo dán ống nước loại 1kg	Dùng để dán ống và phụ tùng ống bằng nhựa PVC. Lượng nhựa PVC tối thiểu: 10% Độ nhớt tối thiểu: 90 cP Áp suất phá nổ sau 2 giờ dán thấp nhất: 2.8 Mpa Khả năng hòa tan: Có khả năng hòa tan thêm 3% lượng bột nhựa PVC ở nhiệt độ $23 \pm 2^{\circ}\text{C}$ mà không bị gel hóa.
134	Keo dán sắt 502	50g/hộp, độ kết dính cao
135	Khăn lông trắng 0.5x1.0m mỏng	Được sản xuất từ sợi bông cotton dày 200gr màu trắng.
136	Khăn lông trắng 0.6x1.2m dày	Được sản xuất từ 100% sợi bông cotton dày 320gr màu trắng.

137	Khăn vuông màu hồng	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu hồng. Kích thước 27x27cm.
138	Khăn vuông màu trắng	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu trắng. Kích thước 27x27cm.
139	Khăn vuông màu vàng	Chất liệu: 100% cotton. Dùng lau tay, lau bếp, lau gương kính.... Có thể giặt tái sử dụng nhiều lần. Màu vàng. Kích thước 27x27cm.
140	Khóa tủ, khóa cốp	Chất liệu: hợp kim kẽm đúc nhà ở và xi lanh. Kích thước: D19 * L22mm, D19 * L26mm, D19 * L32mm, D19 * L38mm.
141	Long đèn 6 ly	Được làm bằng sắt đã được xi mạ. Đường kính trong: 10ly. Đường kính trong: 6 ly. Dày 1 ly.
142	Lưỡi cắt gạch men	Đường kính ngoài 110mm Đường kính trong 20mm Độ dày 1.6mm Ứng dụng Cắt bê tông, đá Granite, tường, thạch cao, ngói...
143	Lưỡi dao rọc giấy	Sử dụng cho dao rọc giấy lớn. 10 lưỡi/hộp, 18mm.

144	Lưỡi gà ổ khóa cùm tròn	Thích hợp với ổ khóa tay nắm tròn. Cò khóa tay nắm tròn có 2 loại kích thước 3cm, 5cm
145	Ly giấy 150ml	Chất liệu an toàn, dẻo dai, được làm bằng giấy phủ lớp PE dẻo dai, chống thấm nước. Dung tích 150ml.
146	Ly giấy 360ml	Chất liệu an toàn, dẻo dai, được làm bằng giấy phủ lớp PE dẻo dai, chống thấm nước. Dung tích 360ml.
147	Mặt 1 công tắc 2 ổ cắm + công tắc	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp: 250V. 2 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc - 16A
148	Mặt 2 công tắc 2 ổ cắm + công tắc	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp: 250V. 2 ổ cắm 2 chấu + 2 công tắc - 16A
149	Mặt 3 ổ cắm Sino	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp: 250V, 3 ổ cắm 2 chấu
150	Mặt bích ổ điện	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập. Chịu tải 16A, điện áp. Được sử dụng để gắn vít vào đế âm tường hay đế nổi

151	Mặt chứa 1MCB kiểu M sino (nắp che cb)	Nắp che CB 1 MCB kiểu M
152	Mặt công tắc 1 + công tắc	Kích thước: 70mm x 120mm ,mặt 1 lỗ , có 1 công tắc .
153	Mặt công tắc 2 + công tắc	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập .Chịu tải 16A,điện áp: 250V, 2 công tắc - 16A+ 2 công tắc
154	Mặt công tắc 3 + công tắc	Chất liệu bằng nhựa chống cháy, chịu nhiệt, chống va đập .Chịu tải 16A,điện áp: 250V, 3 công tắc - 16A+ 3 công tắc
155	Máy khoan pin bắt vít dùng pin	Điện áp: 20V Tốc độ không tải: 0-400/0-1500rpm Mô-men xoắn cực đại: 45Nm Khả năng khoan: 0,8-10 mm Thiết lập mô-men xoắn: 15+1 Bánh răng cơ khí 2 tốc độ Chức năng khóa trục chính Đèn LED làm việc. Đèn LED báo nguồn pin Kèm 1 pin 2.0Ah (TFBLI20011), 1 sạc (TFCLI2001) và 1 mũi vít Cr-V 65mm Điện áp sạc: 220-240V~50/60Hz

156	Mền	Chất liệu: cotton 100% không pha nylon Kích thước: 1m5x2m Dùng làm mền đắp, hoặc dùng để lót ủi đồ, có thể gấp gọn. Có nhiều màu cho bạn lựa chọn (đỏ, nâu, xanh, xanh đen, sọc nhiều màu). Trọng lượng: Nặng 800g
157	Mỏ lếch thẳng 15"INCH	Chiều dài: 375mm (15 "") Kích thước điều chỉnh: 0-46mm Chất liệu : 45 # thép carbon Trọng lượng: 1kg
158	Móc đóng treo ống nhựa phi 21	Dùng để đóng vào các loại vật liệu như gỗ, tường, xi măng để kẹp giữ chặt các loại dây điện, ống nước. Kích thước: D21. Đơn vị tính: Bịch 50 cái
159	Móc đóng treo ống nhựa phi 27	Dùng để đóng vào các loại vật liệu như gỗ, tường, xi măng để kẹp giữ chặt các loại dây điện, ống nước. Kích thước: D27. Đơn vị tính: Bịch 50 cái
160	Móc khoen tròn treo	Chất liệu: Kim loại inox - dạng dẹt - dạng tròn, đường kính 3cm
161	Móc L 6cm	Chất liệu: Thép carbon (thép không gỉ). Kích thước 6cm. Đơn vị tính: Hộp 10 cái.
162	Móc treo quần áo	Bằng inox, dài 45cm, có 7 móc

163	Móc tròn Inox	Móc tròn, móc chùm phơi quần áo chống gió inox (Móc tròn, móc chùm treo quần áo trẻ em , móc inox, móc phơi quần áo). Chất lượng: Inox; Số lượng kẹp: 20 cái; Chống gió: Là một sợi dây thép. Độ dày: 2.5mm; Trọng lượng: 350Gram; Kích thước: 36 x 20cm; Đặc điểm sản phẩm: Thiết kế móc treo chống gió, móc treo có thể tháo rời
164	Mũi bắn vít 2 đầu chữ thập	Chất liệu: Hợp kim thép xử lý bề mặt, chống ăn mòn. Có 2 đầu vít..
165	Mũi đục bê tông kiểu gài đầu dẹp	Chất liệu : Hợp kim thép siêu cứng, chịu lực cao , có lớp phủ chống gỉ sét . Kích thước mũi dẹp 14mm x 250mm
166	Mũi đục bê tông kiểu gài đầu nhọn	Chất liệu : Hợp kim thép siêu cứng, chịu lực cao , có lớp phủ chống gỉ sét . Kích thước mũi nhọn 14mm x 250mm
167	Mũi khoan bê tông 10 ly	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 10 ly dạng gài
168	Mũi khoan bê tông 6 ly	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 6 ly dạng gài

169	Mũi khoan bê tông 8 ly	Chất liệu: Hợp kim thép cứng, sử dụng thời gian dài, bền và lâu mòn. Sử dụng để khoan bề mặt các vật liệu có độ cứng cao như khoan tường gạch, khoan tường bê tông ... Đường kính chân khoan: 8 ly dạng gài
170	Mũi khoan inox 10 ly	Chất liệu Inox. Đường kính: 8mm. Độ dài khoan tối đa: 63.5mm. Chiều dài mũi: 110mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.
171	Mũi khoan inox 4.2 ly	Chất liệu Inox. Đường kính: 4.2mm. Độ dài khoan tối đa: 43mm. Chiều dài mũi: 75mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.
172	Mũi khoan inox 6 ly	Chất liệu Inox. Đường kính: 6mm. Độ dài khoan tối đa: 58mm. Chiều dài mũi: 92mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.
173	Mũi khoan inox 8 ly	Chất liệu Inox. Đường kính: 8mm. Độ dài khoan tối đa: 63.5mm. Chiều dài mũi: 110mm. Dùng khoan cho vật dụng inox, sắt.
174	Mũi khoan thép 4 - 32	Mũi khoan đa tầng phủ Ti-tan, Đường kính khoan: 4-32mm, chiều dài: 102mm
175	Mũi khoan tường 3.2 li chân lục giác	Đầu mũi khoan được làm bằng hợp kim, vát 02 cạnh . Mũi khoan phi 3,2mm, dài 90mm, đuôi lục giác

176	Mũi khoan tường 6li chân lục giác	Đầu mũi khoan được làm bằng hợp kim, vát 02 cạnh . Mũi khoan phi 6.0mm, dài 100mm, chuôi lục giác
177	Nắp bít nhựa tròn tron Ø21	Nắp bít tròn tron dùng để bít đầu ống đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C
178	Nắp bít nhựa tròn tron Ø27	Nắp bít tròn tron dùng để bít đầu ống đường kính 27mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C
179	Nẹp nhựa dây điện 20mm 1.7m	Dùng để luồn các loại sợi dây điện, giúp chống bụi, chống gãy, chống rớt dây.
180	Nẹp nhựa dây điện 30mm 1.7m	Dùng để luồn các loại sợi dây điện, giúp chống bụi, chống gãy, chống rớt dây.

181	Nẹp sàn nẹp bán nguyệt nẹp góc 40mm	Chất liệu nẹp nhựa, Kích thước 0.4x1.2m .Chịu lực tốt, dễ thi công và có tính thẩm mỹ cao
182	Nối 21	Nối thẳng được làm bằng nhựa . Đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C
183	Nối 49	Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 49mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C
184	Nối răng ngoài phi 21	Chất liệu nhựa PVC. Nối có 1 đầu ren ngoài dùng để nối với ống nhựa PVC. Phi 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m ^o C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45 ^o C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76 ^o C

185	Nồi thẳng phi 21	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 21mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>
186	Nồi thẳng phi 27	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 27mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>
187	Nồi thẳng phi 34	<p>Chất liệu nhựa PVC dùng để nối các ống nước tùy mục đích sử dụng. Đường kính 34mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m^oC Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45^oC Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76^oC</p>
188	Nước lau kính	<p>Dung dịch nước tẩy rửa chuyên sử dụng làm sạch các vết bẩn, vết bụi dính trên bề mặt kính, Dung tích 580ml/1 chai</p>

189	Nước rửa chén 750ml	Được chiết xuất từ vỏ chanh thiên nhiên kết hợp với chất diệt khuẩn. Có tác dụng tẩy sạch các vết dầu mỡ, khử sạch mùi tanh. Dung tích 750ml.
190	Nước rửa tay	Có tác dụng diệt khuẩn 99,99 % các loại vi khuẩn có hại. Thành phần Với Triclosan kết hợp với các thành phần dưỡng da cao cấp giúp tăng cường độ ẩm, bảo vệ nuôi dưỡng da tay. Hương thơm nhẹ nhàng. Đơn vị tính: lít
191	Nước tẩy Javel	Được làm từ những thành phần an toàn Sodium hypochlorite và Sodium hydroxide, nước và các phụ gia khác. Có tác dụng tẩy trắng quần áo, khử mùi và diệt khuẩn. Dung tích: 1.000ml
192	Nút nhấn bồn cầu	Loại 1 nút nhấn tròn, sử dụng được cho nhiều loại bồn cầu thông dụng. Mạ Crôm. Cỡ: Ø37mm
193	Ổ cắm điện 3 Ổ 3 Chấu 1 công tắc dài 3m	Ổ cắm điện đa năng công tắc 2 cực 3 ổ cắm dây 3m 2200W - 3300W. Được thiết kế khá gọn gàng và tiện lợi với 3 ổ cắm 3 chấu cắm, 1 công tắc để đáp ứng nhu cầu cắm điện cho các thiết bị điện có
194	Ổ cắm điện 5 m tròn	Ổ cắm kéo dài quay tay - cuộn dây kín kiểu đĩa bay. Công suất tối đa 2200W - 3300W Max 10A 250V

195	Ổ cắm điện 6 Ổ 3 Chấu 2 công tắc dài 5m	Dây dẫn bằng đồng nguyên chất, tiết diện dây dẫn đủ nên dẫn điện tốt, chịu được tải lớn. Số ổ cắm: 6 ổ đa năng + 3 chấu. Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm. Số lõi dây: 02 Lõi. Công suất tối đa: 2200W. Dòng Max: 10A. Chiều dài dây dẫn: 5 mét.
196	Ổ khóa cỡ nhỏ	Thân khóa đúc nguyên khối 4cm x 3cm, móc khóa làm hợp kim, to, chắc chắn. Đường kính móc khoá 3cm. - Có 3 chìa kèm theo
197	Ổ khóa cỡ trung	Thân khóa đúc nguyên khối 5cm x 4cm, móc khóa làm hợp kim, to, chắc chắn. Đường kính móc khoá 4cm. - Có 3 chìa kèm theo
198	Ổ khóa cửa sổ sò xanh đỏ + pass	Chất liệu: Hợp kim, lắp vào cửa sổ cửa nhôm, cửa lùa hoặc cửa nhựa lõi thép. Có màu xanh, đỏ để phân biệt đóng, mở .
199	Ốc dù bán gỗ (5cm)	Kiểu mũ: Dù, đầu vặn bake, chất liệu inox . Kích thước 5cm. Đơn vị tính: Bịch 50 con.
200	Ốc nhựa giữ bồn nước bồn cầu	Chất liệu: nhựa ABS siêu bền, sử dụng lắp thay thế hầu hết các loại bồn cầu .
201	Ốc vít 4p	Chất liệu: thép mạ kẽm, cứng cáp ren đều, dễ dàng lắp ráp vào tắc kê. Kích thước 3cm. Đơn vị tính: Kg

202	Ốc vít xé, vít đui cá 2p	Liên kết các vật liệu kim loại mềm dễ khoan. Kích thước: 4x19mm. Vít tự khoan đầu dù được dùng trong cho những vật liệu mềm như nhôm, tole mỏng ...
203	Ống cấp Lapabo 40cm nhựa	Dây cấp nước bằng nhựa. 2 đầu ốc bằng thau hoặc thau mạ crom niken, cốt liên kết giữa đai ốc và dây cấp bằng thau. Dây cấp dùng để cấp nước cho vòi rửa chén, Lavabo rửa mặt, Bồn cầu... Dây dài 40cm.
204	Ống gen co nhiệt 3mm	Tỷ lệ co: 2-1. Đường kính 3mm, khi co lại tối đa sẽ còn 1.5mm. Nhiệt độ chịu đựng: 125°C. Điện áp: 600V. Nhiệt độ co: 84°C - 120°C. Đơn vị tính: mét
205	Ống gen co nhiệt 6mm	Tỷ lệ co: 2-1. Đường kính 6mm, khi co lại tối đa sẽ còn 3mm. Nhiệt độ chịu đựng: 125°C. Điện áp: 600V. Nhiệt độ co: 84°C - 120°C. Đơn vị tính: mét
206	Ống hút giấy (25 cái/bịch)	Thành phần: được làm từ giấy. Chiều dài ống: 20cm. Đường kính: size 6mm. Bọc từng ống. Phân hủy hoàn toàn và thân thiện với môi trường.
207	Ống nước nhựa phi 21mm x 4m	Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 21mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C

208	Ống nước nhựa phi 27mm x 4m	<p>Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 27mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C</p>
209	Ống nước nhựa phi 34mm x 4m	<p>Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 34mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C</p>
210	Ống nước nhựa phi 49mm	<p>Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 49mm x Dài 4m. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C</p>

211	Ống nước nhựa phi 60mm	Chất liệu nhựa PVC chịu được áp lực cao. Kích thước: Phi 60mm. Có thể chịu được các loại hóa chất như Axit, Kiềm tốt. Tỷ trọng: 1.4g/cm ³ Độ bền kéo đứt tối thiểu: 50 Mpa Hệ số giãn nở nhiệt: 0.08mm/m°C Điện trở suất bề mặt: 10 ¹³ Ω Nhiệt độ làm việc: 0 đến 45°C Nhiệt độ hóa mềm vicat tối thiểu: 76°C
212	Ống xả máy giặt (loại tốt)	Được làm bằng chất liệu nhựa đàn hồi, dai, bền. Giúp dẫn xả lượng nước thải trong máy giặt đến vị trí thoát nước.
213	Pát ổ khóa Việt Tiệp bản vít	Chất liệu sắt không rỉ , có khoen tròn dùng gắn cửa sắt .
214	Phao cơ đồng van 27	Chất liệu chủ yếu là đồng thau. Ti inox liên kết với quả banh nhựa. Van phao có tăng đơ để điều chỉnh mức nước theo ý muốn, đóng mở tự động. Đệm làm kín bằng gioong cao su nên đóng mở rất êm. Dùng cho van phao 27mm.
215	Phao điện thông minh tự ngắt	Sử dụng cho máy bơm đẩy, nước đầy tự động ngắt. thích hợp cho mọi loại máy bơm, bồn nước, hồ nước.

216	Phích cắm dương	<p>Chân đồng chắc chắn, tiếp xúc tốt, chống phóng điện Dễ dàng lắp ráp dây điện Đuôi phích cắm có răng cưa kẹp giữ chặt dây, giúp dây không bị tuột khi dùng lực. Điện áp sử dụng 100-250V Dòng tải: 10A Công suất: 2.200W/220V (tối đa 2.500W/250V) Chân cắm: chân tròn $\Phi 4$ (cỡ nhỏ) Chất liệu: nhựa chống cháy, đồng nguyên chất Màu: trắng</p>
217	Phích cắm nổi âm	<p>Kích thước chân tiếp xúc: $\Phi 4$ Công suất: 10A – 250VAC (EU2$\Phi 4$, EU2TD); 15A – 250VAC (ONC5, ON3NC5) Loại: Chân tròn, chân dẹt Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa ABS, Chân tiếp xúc bằng đồng nguyên chất, dẫn điện tốt. Thiết kế kẹp chặt dây điện, chống đứt hoặc sút ra khi sử dụng lực mạnh. Bộ cực tiếp xúc bên trong đầu nổi âm ổ cắm đều có bố trí lò xo tăng lực kẹp, má kẹp tiếp xúc tốt với chân phích khi cắm nổi, dẫn điện tốt, chống move, chống đánh lửa và phát nhiệt tại đầu nổi Tiêu chuẩn: TCVN và IEC</p>
218	Pin AA (đồng hồ)	<p>Loại pin: AA. Model: R6P(AR)4P. Điện thế: 1.5 V. Kích thước: 14mm x50mm/ viên. Qui cách đóng gói: 4 viên/vỉ, 40 viên/hộp. Hàng chính hãng.</p>
219	Pin AAA (máy lạnh)	<p>Loại pin: pin đũa AAA. Model: R03(AR) 2P. Điện thế: 1.5 V. Kích thước: 10mm x42mm/ viên. Qui cách đóng gói: 2 viên/vỉ, 40 viên/hộp. Hàng chính hãng.</p>

220	Pin Cmos	Loại pin: Lithium. Chuẩn pin CR2032. Điện thế: 3V. Dung lượng trung bình: 225 mAh đến 2,0 volt (Được đánh giá ở mức 10k ohms liên tục ở 21°C) Mật độ năng lượng: 198 milliwatt giờ/g, 653 milliwatt giờ/cc
221	Pin Ir44	Loại pin: Alkaline. Chuẩn pin AG13 / LR44. Điện thế: 1,5 V.
222	Pin maxell CR2032 3V Máy thử đường huyết	Loại pin: Lithium. Chuẩn pin CR2032. Điện thế: 3V. Dung lượng trung bình: 225 mAh đến 2,0 volt (Được đánh giá ở mức 10k ohms liên tục ở 21°C) Mật độ năng lượng: 198 milliwatt giờ/g, 653 milliwatt giờ/cc
223	Pin trung size C	Loại pin : Pin trung C (size C). Volts : 1.5V. Code : R14P(AR) 2P, R14. Kích thước : 26m x50mm. Qui cách đóng gói: 2 viên/vỉ, 20 viên/hộp. Hàng chính hãng.
224	Pin vuông 9V	Loại pin: vuông 9V. Model: 6F22DT/1S. Điện thế: 9 V. Kích thước: Pin 9V/ Pin vuông/ 6LR61/ 6F22/ MN1604. Qui cách đóng gói: 1 viên/vỉ, 12 viên/hộp. Hàng chính hãng.
225	Quạt CPU máy tính	Hỗ trợ CPU dòng Pentium Dual Core/G/Core i3/i5/i7 Hỗ trợ Socket 1155, 1156, 1150,1151 Chạy bền bỉ, êm, tản nhiệt tốt Trọng lượng (KG) 0.2 Kích thước sản phẩm (D x R x C cm) 9x9x5

226	Quạt đứng	<p>Công suất 65 W Điện áp 220V/ 50Hz Lưu lượng gió 91.2 m³/min Đường kính cánh 43 cm Số lượng cánh 5 cánh Màu sắc Đen Cam Cân nặng: 5,3 kg</p>
227	Quạt treo tường 2 dây	<p>Quạt treo 2 dây. Công suất 65 W. Điện áp 220V/ 50Hz. Lưu lượng gió 91.2 m³/min. Đường kính cánh 43 cm. Số lượng cánh 5 cánh.</p>
228	Rive 4	<p>Kích thước: 4cm. Chất liệu bằng nhôm. Có độ bền cao, ó khả năng chống rỉ sét, ăn mòn từ môi trường tự nhiên. Đơn vị tính: Bạch 500 cái</p>
229	Rổ nhựa 31*22*10cm	<p>Được sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh. Kích thước: 305x220x95mm. Lỗ nhỏ.</p>
230	RP7 lớn (Xịt chống sét)	<p>Trọng lượng 300g. Dùng trong tẩy rửa kiềm dầu nhờn bôi trơn.</p>

231	Silicon trắng sữa A100	<p>Là chất trám trét, kết dính gốc Acrylic (Acrylic Sealant). Màu: Trắng sữa Trọng lượng riêng ở nhiệt độ 20°C: 1.6 ± 0.05 Độ đặc: Không lún: (ASTM C639 – 5) Thời gian định hình bề mặt: 10 phút @ 75F (50% RH) Sức căng: 125 psi (2Mpa) ASTM D412 Tính đàn hồi: 48 psi (0.8 Mpa) Độ cứng A: 30 (ASTM C 733) Thê tích co lại: >25% (ASTM C733) Khả năng chống nhiệt: -10°C đến 80°C Nhiệt độ ứng dụng: 5°C đến 50°C</p>
232	Silicon trong A300 (trong)	<p>Tính chất: Axit - Độ lỏng: Không bị lún - Thời gian tạm khô ở nhiệt độ 23°C: 6 phút - Trọng lượng riêng ở nhiệt độ 23°C: 1.02 ± 0.05 - Độ cứng (JIS type A): 25 - Sức căng (Mpa): 2.0 - Độ co giãn (%): 500% - Nhiệt độ bề mặt thi công: +5°C đến +40°C - Khả năng chịu nhiệt (sau lưu hóa): -50°C đến 220°C</p>
233	Sọt tròn đại	<p>Chất liệu nhựa PP chính phẩm, kích thước Ø680 x H810 mm hình tròn có nắp.</p>
234	Sọt tròn đựng khăn 30*30cm	<p>Chất liệu nhựa PP chính phẩm, kích thước 30*30cm hình tròn.</p>
235	Sữa rửa mặt E100	<p>Sữa rửa mặt E100 với tinh chất sữa bò tươi có tính năng loại bỏ vẩy tế bào khô ,diệt khuẩn gây mụn cám và làm sạch sâu bề mặt da, cho làn da tươi trẻ sáng mịn. Dung tích: 80ml</p>

236	Switch 8 port	8 cổng RJ45 10/100Mbps - Công nghệ Ethernet xanh giúp tiết kiệm điện năng tiêu thụ - Hộp bằng nhựa, thiết kế để bàn - Chỉ cần cắm và sử dụng, không yêu cầu cấu hình
237	Tắc kê nhựa số 3	Dùng để đóng vào tường để gắn với các loại móc treo tường, đỡ kệ. Màu sắc: Trắng trong Kích cỡ: 7 x 40 mm Được sản xuất từ nhựa nguyên sinh HDPE – không độc hại. Gai bố trí 4 hướng đảm bảo giữ chắc chắn không cho Tắc kê xoay. Tắc kê có vành ngăn không cho trượt sâu vào bên trong. Có khả năng chịu nhiệt từ -40°C đến 80°C. Cấu tạo của Tắc kê cho phép sử dụng phù hợp với nhiều loại Vít khác nhau. Phù hợp với nhiều loại vật liệu như Bê tông, Bê tông bọt, Gạch đặc, Gạch ống, Đá đặc, Cemboard, Thạch cao, Gỗ,...
238	Tắc kê nhựa số 6	Dùng để đóng vào tường để gắn với các loại móc treo tường, đỡ kệ. Màu sắc: Trắng trong Kích cỡ: 9 x 65 mm Được sản xuất từ nhựa nguyên sinh HDPE – không độc hại. Gai bố trí 4 hướng đảm bảo giữ chắc chắn không cho Tắc kê xoay. Tắc kê có vành ngăn không cho trượt sâu vào bên trong. Có khả năng chịu nhiệt từ -40°C đến 80°C. Cấu tạo của Tắc kê cho phép sử dụng phù hợp với nhiều loại Vít khác nhau. Phù hợp với nhiều loại vật liệu như Bê tông, Bê tông bọt, Gạch đặc, Gạch ống, Đá đặc, Cemboard, Thạch cao, Gỗ,...

239	Tắm gội toàn thân cho bé	Dùng cho trẻ sơ sinh, cân bằng độ pH, không gây kích ứng da, không cay mắt bé Dung tích: 500ml/chai Sản phẩm có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm.
240	Tấm nhựa trắng trong (dày 1.6mm, rộng 100cm, dài 120cm)	Tấm nhựa trắng trong (dày 1.6 mm, rộng 100 cm, dài 120 cm
241	Thảm thun 40x60cm	Thảm hút nước tốt. Đế chống trơn. Mặt lông hút ẩm giúp giữ bụi bẩn. Kích thước 40x60cm.
242	Thanh ray trượt học tủ	Bằng chất liệu thép sơn tĩnh điện, ray tủ bàn, dài 40cm. Tính theo cặp thanh ray.
243	Thau nhựa 23.5cm x 8.5cm	Được làm từ 100% chất liệu nhựa cao cấp, dày dặn, màu sắc bền đẹp Kích thước: 23,5x23,5x8,5 cm
244	Thau nhựa 39.5cm x 13.5cm	Được làm từ 100% chất liệu nhựa cao cấp, dày dặn, màu sắc bền đẹp Kích thước: 39,5x39,5x13,5 cm

245	Thùng chữ nhật ngâm dụng cụ (30cmx35cmx45cm)	Chất liệu nhựa PP, có quay gài nắp chắc chắn, có bánh xe để duy chuyển. Kích thước (30cmx35cmx45cm). Chịu được nhiệt độ lên đến 134°C. Chịu được hóa chất như glutaraldehyde ≥2%, peracetic acid... thời gian dài mà không phôi ra chất độc hại. Bề mặt nhựa trơn nhẵn, dễ lau chùi khi bị bám bẩn, cho thời gian sử dụng lâu dài.
246	Thùng nhựa chữ nhật 14L không nắp	Vật liệu: Nhựa PP Kích thước (DxRxH): (42 x 31 x 16,5) cm Trọng lượng: 846 gram
247	Thùng rác đạp màu vàng đại	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 35cmx34cmx44cm. Màu vàng.
248	Thùng rác đạp màu xanh đại	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 35cmx34cmx44cm. Màu xanh.
249	Thùng rác đạp màu vàng trung	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 36cmx26cmx30.5cm. Màu vàng.
250	Thùng rác đạp màu xanh trung	Được làm từ nhựa HDPE bền đẹp, dễ vệ sinh, lau chùi. Miệng thùng rộng, có bàn đạp tiện dụng. Kích thước: 36cmx26cmx30.5cm. Màu xanh.

251	Thước kéo 5m	Thước được chế tạo bằng hợp kim sắt, ít co giãn, không gỉ. Có khả năng kéo ra và cuộn lại nhờ có lò xo bên trong. Chiều dài cuộn dây bên trong 5m Trên thước có vạch, các vạch cách nhau 1 mm
252	Tụ quạt 2.0	Tụ điện vuông đa năng dùng để thay thế cho quạt khi bị hư cháy hỏng.
253	Tụ quạt trần 4.0	Tụ điện vuông đa năng dùng để thay thế cho quạt khi bị hư cháy hỏng.
254	Tua Vít mũi bake 65-174 3x250mm	Được làm từ chất liệu hợp kim thép không gỉ, cứng chắc, chống ăn mòn, chịu lực tốt. Cán cầm được bọc cao su dày. Kích thước: #3x250mm.
255	Túi lưới giặt đồ 50x60cm	Chất lượng cao cấp với 100% Polyester. Dùng bảo vệ quần áo khi giặt máy. Kích thước 50x60cm.
256	Tuốt nơ vít (Tua vít) 3 ke	Loại đầu bake PH2, chiều dài 200mm. Phần mũi vít được làm từ thép CR-V
257	Tuốt nơ vít (Tua vít) đẹp	Loại đầu bake PH2, chiều dài 200mm. Phần mũi vít được làm từ thép CR-V

258	Van ống nước phi 21	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.
259	Van ống nước phi 27	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.
260	Van ống nước phi 34	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.
261	Van ống nước phi 49	Van cầu nhựa PVC dùng để tạo một khóa trên đường dẫn nước (hoặc hơi), kết nối nhanh với đường ống bằng keo dính. Van PVC được sử dụng rộng rãi trong các van đóng mở bằng nhựa.
262	Vít thử điện 2 đầu	Tay cầm bọc nhựa, cách điện tốt. Dùng để kiểm tra nguồn điện dân dụng. Sử dụng với nguồn điện từ 100-500V. Đầu tiếp điện làm bằng thép C45 chắc chắn
263	Vòi củ sen lạnh	Được sử dụng cho 1 đường nước lạnh. Chất liệu: thân inox. Có 2 ngã chia nước: 1 gắn vào bộ hoa sen tắm, 1 xả sàn hoặc xả xô.
264	Vòi rửa mặt lavabo inox	Chất liệu: Inox SUS304 nguyên chất không gỉ. Cao khoảng 15-20cm.

265	Vòi rửa mặt lavabo inox cao	Chất liệu Mạ Cr-Ni đạt tiêu chuẩn Nhật Bản. Áp lực nước: 0.05 MPa ~ 0.75 Mpa. Dùng co chịu rửa mặt lavabo.
266	Xà bông bột 800g	Sử dụng giặt tay hoặc giặt máy. Công nghệ tỏa hương mới với hạt lưu hương. Trọng lượng 800g.
267	Xịt phòng	Hương thơm dễ chịu, thanh khiết lưu hương dài lâu. Dung tích 280ml.
268	Xô nhựa 10L có nắp	Chất liệu: nhựa PP có nắp đậy. Kích thước: 27.5x26.3x26.2cm. Dung tích 10L.
269	Xô nhựa 20 lít	Dung tích: 20 lít, có nắp đậy, hình dáng tròn, chất liệu: Nhựa
270	Xô inox 10 lít có nắp	Chất liệu: Inox Đường kính: 22cm Cao: 26cm
271	Vách ngăn bình phong 4 tấm	Chất liệu: Khung sắt sơn tĩnh điện, vải dày Kích thước: cao 1m65 * ngang 0.5 mỗi tấm

272	Máy hàn TIG que Inverter HK TIG 200A	<p>Có chế độ bảo vệ quá nhiệt, quá tải, nguồn điện không ổn định.</p> <p>Máy hàn có thể hoạt động ở môi trường điện yếu ($\geq 180V$)</p> <p>Có 2 chức năng: hàn que và hàn khí Argon(TIG), AC (hàn nhôm) và DC (hàn đồng, sắt, Inox).</p> <p>Sử dụng máy trong môi trường điện yếu ($\geq 180V$)</p> <p>Kích thước là : 440x270x320</p>
273	Cây hút chì	<p>Kích thước : dài 33cm</p> <p>Đường kính (ống) từ 28mm - 35mm</p> <p>Màu : Xanh -Chất liệu : nhựa</p>
274	Giấy nhám mài mịn	<p>Giấy nhám có độ mịn cao từ 1000 đến 7000 (siêu mịn)</p> <p>Phù hợp cho sử dụng ướt và khô</p> <p>Kích thước: 28 x 23 cm</p> <p>Màu: Đen - Chất liệu: Alumina</p>
275	Cưa sắt Stanley 15	<p>10" Cưa sắt Stanley 15-265</p> <p>Khung thép cứng, chắc chắn.</p> <p>Tay cầm êm, thoải mái.</p> <p>Chiều dài: 10" (~254mm)</p> <p>Chiều sâu: 3-7/8" (~98mm)</p>
276	Đĩa mài giấy nhám	<p>Chà nhám thép không gỉ (Inox)</p> <p>Đĩa nhám xếp trên tấm mang được làm từ sợi thủy tinh.</p> <p>Phiên bản thẳng - để chà mài bề mặt chà nhám các đường hàn ở góc 5-15°</p>
277	Đĩa mài bánh xốp inox	<p>Đề đánh bóng bước cuối cùng, hay còn gọi là lơ đánh bóng</p> <p>Kích thước: Đường kính 10cm</p> <p>Lỗ trục: 16mm</p> <p>Dùng lắp vào các máy mài cầm tay</p>

278	Đuôi đèn sứ chịu nhiệt ren xoáy E27 SU4	Chịu tải 5A-250V. Dùng thay thế đuôi sứ trong bóng sợi. Đuôi chịu được nhiệt độ cao, không rớt bóng.
279	Máy cắt sắt cầm tay	Tốc độ không tải: 11,000 Kích thước: 258 x 118 x 97mm (10-1/8" x 4-5/8" x 3-13/16") Công suất: 710W Đường kính lưỡi mài: 100mm (4")
280	Đồng hồ oxy Tanaka Venus CGA 540L	Là dòng đồng hồ điều áp Oxy chất lượng cao chuyên dùng để kiểm soát áp suất khí Oxy trong các hệ thống. Với kết nối chuẩn CGA-540L, thiết bị phù hợp với các bình khí Oxy công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, cho phép người dùng điều chỉnh áp suất Oxy ra một cách an toàn và chính xác.
281	Van chống cháy ngược oxy-Acetylen	Van chống oxy cháy ngược Vật liệu: Đồng thau C3604 Đầu vào: M16 x 1.5 ren trong (JIS-2) Đầu ra: M16 x 1.5 ren ngoài (JIS-2) Áp lực tối đa: 0.99 Mpa Kích thước: Ø29 x 78 mm
282	Bộ lã ống đồng Value VFT-808-IS	Trọng lượng: 1,5 kg 1 bộ lã, 1 kẹp hệ inch dùng cho máy lạnh (số lẻ), không có dao cắt, hộp giấy Dùng cho các ống cỡ: 6, 8, 10, 12, 16, 19mm

283	Bộ lục giác 9 món Bosch	<p>Thiết kế chữ L tối ưu, giúp tăng lực siết và tháo vít dễ dàng.</p> <p>Sản phẩm làm từ thép S2 tăng cứng, bền bỉ, chống mài mòn và hạn chế bo tròn đầu lục giác.</p> <p>Bộ chìa vặn Bosch 1600A01TH5 gồm 9 kích thước lục giác khác nhau.</p> <p>Hộp đựng nhỏ gọn giúp bảo quản</p> <ul style="list-style-type: none"> 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 1.5 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 2.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 2.5 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 3.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 4.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 5.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 6.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 8.0 mm 1 x Chìa vặn đầu lục giác chữ L 10.0 mm
284	Kèm cắt chân linh kiện	<p>Lưỡi kìm cắt được làm từ thép</p> <p>Cán kìm được bọc nhựa</p> <p>Chiều dài cán kìm: 100 mm</p> <p>Trọng lượng: 20 gram</p> <p>Kích thước: 12,5cmx7,5cm</p>
285	Lông đèn 8ly	<p>Được làm bằng sắt đã được xi mạ. Đường kính trong: 8ly.</p> <p>Đường kính trong: 8 ly. Dày 1 ly.</p>
286	Lông đèn 10ly	<p>Vòng đệm phẳng inox 304</p> <p>Đường kính trong 10 (mm)</p> <p>Đường kính ngoài 20 (mm)</p> <p>Độ dày 1,5 (mm)</p> <p>Vật liệu cấu tạo: Inox 304</p> <p>Màu sắc: Inox 304</p>

287	Găng tay nilon tự hủy sinh học	<p>100% phân hủy sinh học: được làm từ nguyên liệu sinh học PBAT và PLA</p> <p>Găng tay có khả năng phân hủy hoàn toàn thành mùn, nước và CO₂ trong vòng 6 -12 tháng</p> <p>An toàn vệ sinh thực phẩm: không chứa các chất phụ gia độc hại.</p> <p>Chống thấm tốt: chất liệu dai, bám tay, chống thấm tốt</p>
288	Chai thông cống	<p>Axit thông cống</p> <p>Thành phần: Axit phân hủy, H₂SO₄ kết tủa, bazo sunfat.</p> <p>Trọng lượng: 1600ml</p>
289	Pin chuông gọi cửa 12V A23	<p>Thương hiệu : GP</p> <p>Loại pin : 23F – 2C5</p> <p>Điện áp : 12V</p> <p>Chất liệu : pin alkaline</p> <p>Sản xuất tại : Hong Kong</p> <p>Số lượng : Vi 5 viên</p>
290	Dép nhựa màu trắng không có lỗ (đi hành lang phòng mổ)	<p>Bít mũi, nhựa xốp nhẹ, êm chân, không có lỗ</p> <p>Quy cách hàng hóa: Size 35-44</p>
291	Máy sấy tóc lớn (sấy tóc cho bệnh nhân)	<p>Thân máy bằng nhựa cao cấp nhẹ, bền, ít bám bẩn</p> <p>Chế độ: 3 loại</p> <p>Sấy nóng và sấy lạnh</p> <p>Tự ngắt điện khi hoạt động quá tải</p> <p>Công suất: 1800W</p>
292	Tấm Simili màu trắng loại dày (bọc bàn khám)	<p>Tấm nhựa simili trắng trong (dày 1.6 mm, rộng 130 cm, dài 160 cm) dùng để bọc bàn khám</p>

293	Giá đựng giấy vệ sinh	Kích thước 201x120x78mm Chất liệu: kim loại
294	Khăn trải bàn màu trắng	Kích thước: 1m6*2m màu trắng
295	Ống keo tản nhiệt	Keo tản nhiệt CPU ống chích (xi lanh) Màu: xám Dẫn nhiệt: >1.93w/m-k Cách nhiệt: <0.225 Celsius -in2/W Dùng tản nhiệt làm mát cho CPU Làm tăng khả năng giải nhiệt của quạt Làm mát, làm giảm quá trình quá nhiệt của bộ vi xử lý Sử dụng Keo tản nhiệt làm mát CPU làm cho hiệu suất truyền tải nhiệt ra ngoài tốt hơn.
296	Nắp bồn cầu	Chất liệu: Nhựa Nắp nhựa với núm cao su tiện lợi, khi thay sửa không phải mở đặng sau Kích thước: 44,5 đến 49 cm (khoảng cách từ tim lỗ đến mép, điều chỉnh được) x 36 cm (chiều ngang nắp) Khoảng cách tim lỗ: 13 đến 16 cm Nắp dày với trọng lượng lên tới 2kg, độ trắng cao, bền bỉ siêu tốt
297	Giá đựng chai sát khuẩn tay nhanh	Chất liệu : inox 304 không gỉ sét Kích thước : 10cm x 8cm x cao 18cm

298	Nước thông cống	Thành phần: Sodium Hydroxide (2%), Hypochlorite, Surfactant, Axit clohidric. Công dụng: Phân hủy và làm mềm các chất thải, vật cản gây tắc nghẽn đường ống cống Trọng lượng: 500ml
299	Cước kim loại	Được cấu tạo bởi các sợi cước. Giúp làm sạch các vết bẩn trên xoong, chảo, chén, đĩa và các dụng cụ nhà bếp.
300	Giá đựng xà bông	Kích thước: 17.2x10.8x5cm (dài x rộng x cao) Chất liệu: kim loại Khả năng chịu lực tốt
301	Giấy gói thuốc thang kích thước 40x40cm	Thớ giấy có keo nên dai bền, chịu lực kéo, lực xé, trọng lực tốt, phục vụ tốt cho việc vận chuyển, đóng gói. Giấy dai không bở nên khó thấm nước hơn các loại giấy khác, khả năng chống ẩm cao bảo vệ được phẩm khỏi nấm, mốc Dễ dàng phân hủy, không gây ô nhiễm môi trường.
302	khăn chuyên dụng lau máy	Kích thước: 25cm*25cm, màu xanh
303	chuông báo	Chuông cửa không dây Khoảng cách: 50m Model: AT-913M Nhiều kiểu chuông Xuyên tường, xuyên gỗ, xuyên vật cản

1.3. Các yêu cầu khác

- Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có), yêu cầu về dịch vụ liên quan như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... (nếu có). Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT.

- Đấu thầu bền vững: có thể đưa ra yêu cầu về hàng hóa thân thiện môi trường, xã hội, sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có) như: tiết kiệm năng lượng hoặc tiết kiệm nước khi sử dụng, khí thải ít độc hại, không có chất độc hại, phá hủy môi trường; hàng hóa sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội hoặc từ nguồn nguyên liệu bền vững, hữu cơ, vật liệu tái chế; sử dụng vật liệu xanh để đóng gói hàng hóa; tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, sử dụng container có thể tái sử dụng để vận chuyển hàng hóa; mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động môi trường và cộng đồng xung quanh; cam kết thu hồi hoặc tái chế khi hàng hóa hết sử dụng...

- Tùy theo từng gói thầu có thể yêu cầu nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của E-HSMT, trong đó cần quy định rõ phương án thay thế của nhà thầu chỉ được xem xét trong quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng khi nhà thầu được đề xuất trúng thầu theo phương án chính hoặc quy định trong trường hợp kết quả đánh giá các E-HSĐT theo phương án chính không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì mới xem xét phương án thay thế của các nhà thầu.

BẢN CAM KẾT CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG

Công ty:

Số đăng ký kinh doanh:

Chúng tôi tham dự gói thầu

của (bên mời thầu).

Chúng tôi xin cam kết về công tác cung ứng hàng hóa (nếu trúng thầu) cho bên mời thầu đáp ứng những điều kiện sau:

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

Toàn bộ hàng hóa mới 100%.

Năm sản xuất hàng hóa: từ năm 2024 trở về sau.

Thời hạn sử dụng của hàng hóa: ≥ 12 tháng kể từ ngày sản xuất; ≥ 6 tháng kể từ ngày nhận hàng.

Khi giao nhận hàng hóa: nhà thầu phải cung cấp chứng từ theo đúng Mục 8, Mục 9, Mục 10 E-ĐKC của E-HSMT.

Yêu cầu về đóng gói, vận chuyển hàng hóa: thực hiện theo Mục 18 và 20 E-ĐKC.

Hàng hóa đáp ứng các thông số quy định tại Bảng phạm vi cung cấp đáp ứng tính hợp lệ.

Hàng hoá chính hãng theo thông tin dự thầu, chủ đầu tư được quyền yêu cầu và chúng tôi cam kết đáp ứng việc cung cấp chứng từ, hồ sơ chứng minh sản phẩm là chính hãng sản xuất.

Sự phù hợp của hàng hóa theo quy định của E-HSMT tại Mục 15, Chương 1, Chỉ dẫn nhà thầu.

Trên đây là toàn bộ nội dung cam kết của Công ty chúng tôi với Bên mời thầu và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật thực hiện nghiêm túc các cam kết trên. Trong trường hợp có sai sót, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và *chấp nhận bị xử lý như đã quy định trong E-HSMT và pháp luật về đấu thầu.*

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây [*trường hợp không có bản vẽ kèm theo thì phải ghi rõ “Không có bản vẽ”*]: Không có bản vẽ

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: ____ [*ghi danh sách các kiểm tra và thử nghiệm*].

- Kiểm tra hàng hóa trước khi bàn giao bao như kiểm tra số lượng, chủng loại, màu sắc, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo tài liệu đã cung cấp tại E-HSDT, giấy tờ xuất kho ...
- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bệnh viện có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bệnh viện có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.</p>
-----------------------------	---

	<p>1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>

<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>6. Ký hợp đồng</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ</p>

<p>thầu phụ</p>	<p>trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
<p>7. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>8. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.</p>
<p>9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</p>	<p>Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>10. Trách nhiệm của Nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các</p>

	dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>
12. Thuế, phí, lệ phí	<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p> <p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
13. Tạm ứng	<p>13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
14. Thanh toán	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p>

	14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền tác giả	Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

	<p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
<p>18. Đóng gói hàng hóa</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
<p>19. Bảo hiểm</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>20. Vận chuyển và các dịch vụ</p>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p>

<p>phát sinh</p>	<p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT:</p> <p>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;</p> <p>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;</p> <p>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;</p> <p>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;</p> <p>đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.</p> <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>
<p>21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại E-ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.</p> <p>21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả</p>

	<p>chi phí đi lại, lưu trú.</p> <p>21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.</p> <p>21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.</p> <p>21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC.</p> <p>21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
22. Phạt và bồi	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy

thường thiệt hại	định tại E-ĐKCT .
23. Bảo hành	<p>23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	<p>24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p>

a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;

b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.

24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.

<p>25. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.</p>
<p>26. Bất khả kháng</p>	<p>26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có</p>

	<p>thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>27. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan. <p>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC.</p> <p>27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không</p>

	<p>thay đổi.</p> <p>27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.</p> <p>27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <p>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.</p> <p>27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian giao hàng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
28. Điều chỉnh	28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp

<p>tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.</p>
<p>29. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu.</p>

	<p>Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p>30. Hạn chế xuất khẩu</p>	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: BỆNH VIỆN HUYỆN NHÀ BÈ, địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Số tài khoản: 3714.0.108603800000 tại phòng giao dịch số 8 - kho bạc Nhà nước Khu vực II hoặc số tài khoản: 110637093939 tại ngân hàng Vietinbank CN.Nam Sài Gòn, Mã số thuế: 0305564723, Số điện thoại: (028) 37815558, số Fax: (028) 37817068 <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i></p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i></p>
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án: Bệnh viện huyện Nhà Bè, địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh <i>[ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].</i></p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: ___ <i>[liệt kê tài liệu].</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -Thương thảo hợp đồng -Bảo lãnh thực hiện hợp đồng -Phụ lục hợp đồng(nếu có)
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Phòng Tổ chức – Hành chính quản trị <i>[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có].</i> - Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh <i>[ghi đầy đủ địa chỉ].</i> - Điện thoại: 84 (028) 37815558 <i>[ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].</i> - Fax: 84 (028) 37817068 <i>[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].</i> - Địa chỉ email: <i>bv_nhabe@yahoo.com.vn</i> <i>[ghi địa chỉ email (nếu có)].</i>
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến</i></p>

	<p><i>10% giá hợp đồng</i>].</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu [căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 60 ngày [ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: Không có [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa].</p> <p>Giải quyết tranh chấp: 30 ngày, tổ chức giải quyết tranh chấp là Tòa án và chi phí việc giải quyết tranh chấp là nhà thầu [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (tòa án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận chất lượng, Phiếu xuất kho... [ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng...].</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định [ghi loại hợp đồng</p>

	<i>theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].</i>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng: Cố định [<i>ghi “Cố định” đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKCT</i>].</p> <p>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [<i>nêu rõ công thức tính trượt giá</i>]. <p><i>[Ví dụ về công thức tính trượt giá:</i></p> $P_1 = P_0 \left[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0} \right] - P_0$ $a+b+c = 1$ <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> P_1 = Giá phải trả cho nhà thầu sau khi tính trượt giá P_0 = Giá hợp đồng (giá cơ bản) a = Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%. b = Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng c = Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng L_0, L_1 = Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá

	<p>M_0, M_1 = Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa</p> <p>Trong HSDT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.</p> <p>Các hệ số a, b, và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:</p> <p>$a =$ [ghi giá trị hệ số]</p> <p>$b =$ [ghi giá trị hệ số]</p> <p>$c =$ [ghi giá trị hệ số]</p> <p>Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>Ngày trượt giá = [ghi số tuần] tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).</p> <p>Điều kiện thực hiện trượt giá:</p> <p>(i) Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.</p> <p>(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:</p> $Z = Z_0/Z_1$ <p>Trong đó:</p> <p>Z_0 = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày cơ bản;</p> <p>Z_1 = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày trượt giá.</p> <p>(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].</p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng</p>

	thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Không [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng...phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 20 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].
E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với loại hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].</p>
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa không bị móp méo, đóng gói đẹp, không bị rách, bên ngoài kiện hàng phải có thông tin đầy đủ thông tin sản phẩm [ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết].
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Không yêu cầu [ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm].
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: [Chủ đầu tư hoặc ghi “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển

	<p>hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”; hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)].</p>
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: _____ [mô tả cụ thể các dịch vụ].</p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Quy định tại Chương V [căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, thử nghiệm của Nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Chương V. Việc kiểm tra, thử nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như: trước khi giao hàng, khi hàng đến... Trong các quy định về kiểm tra, thử nghiệm cần nêu được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm].</p>
E-ĐKC 21.2	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Bệnh viện huyện Nhà Bè, địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh [ghi địa điểm].</p>
E-ĐKC 22	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng. - Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại. - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng [ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</p> <p>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :01%/tuần (hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc</p>

	<p><i>phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm]</i> cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 30 % <i>[ghi mức phạt tối đa]</i>. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng <i>[ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]</i>.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
E-ĐKC 23.3	<p>Thời hạn bảo hành là: _____ ngày <i>[ghi số ngày]</i>.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Bệnh viện huyện Nhà Bè. Địa chỉ: 281A Lê Văn Lương, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh <i>[ghi tên một hoặc một số địa điểm]</i>.</p> <p><i>Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Chủ đầu tư giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Nhà thầu (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Nhà thầu khi hai bên thanh lý hợp đồng).</i></p>
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày <i>[ghi số ngày]</i>.</p>
E-ĐKC 27.7 (d)	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% <i>[nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]</i> giá trị giảm giá hợp đồng.</p>

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Thỏa thuận khung” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT.</p>
-----------------------------	---

<p>2. Tài liệu thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Thỏa thuận khung để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Thỏa thuận khung được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thỏa thuận khung, kèm theo các phụ lục; b) E-ĐKCT đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện thỏa thuận khung (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện thỏa thuận khung; d) E-ĐKC; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và

	<p>thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
<p>7. Giải quyết</p>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các</p>

tranh chấp	tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT .
8. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.
9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT .
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại E-ĐKCT . 11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .

<p>13. Tạm ứng</p>	<p>13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
<p>14. Thanh toán</p>	<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 10 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Quyền tác giả</p>	<p>Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p>
<p>16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến thỏa thuận khung</p>	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng;</p>

	<p>trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>
<p>18. Đóng gói</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm</p>

<p>hàng hóa</p>	<p>tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
<p>19. Bảo hiểm</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</p>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ</p>

	đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
21. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
22. Bảo hành	<p>22.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>22.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>22.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>22.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>22.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>22.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>
23. Bồi thường vi phạm sáng chế	23.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 23.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư

vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:

a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;

b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

23.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 23.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

23.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.

23.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

23.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm

	<p>hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
<p>24. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại hợp đồng.</p>
<p>25. Bất khả kháng</p>	<p>25.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>25.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>25.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>25.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng</p>

	<p>bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>25.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>26. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>26.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>26.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 25 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21 E-ĐKC.</p>
<p>27. Chấm dứt thỏa thuận khung</p>	<p>27.1. Chấm dứt thỏa thuận khung do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm thỏa thuận khung khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong thỏa thuận khung trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu mua sắm, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác</p>

	<p>theo thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ thỏa thuận khung theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần thỏa thuận khung không bị chấm dứt.</p> <p>27.2. Chấm dứt thỏa thuận khung do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt thỏa thuận khung vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, thỏa thuận khung sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt thỏa thuận khung không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p>28. Hạn chế xuất khẩu</p>	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: ___ [ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của thỏa thuận khung: ___ [liệt kê tài liệu].
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: ___ [ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]. - Địa chỉ: ___ [ghi đầy đủ địa chỉ]. - Điện thoại: ___ [ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. - Fax: ___ [ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố]. - Địa chỉ email: ___ [ghi địa chỉ email (nếu có)].
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ % giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: ___ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT].
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: ___ [ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa].</p> <p>Giải quyết tranh chấp: ___ [ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].</p>

E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: ___ [ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng...].</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Loại hợp đồng: ___ [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].</p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá hợp đồng: ___ [ghi “Cố định” đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc “được trượt giá” đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 E-ĐKC].</p> <p>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [nêu rõ công thức tính trượt giá]. <p>[Ví dụ về công thức tính trượt giá:</p> $P_1 = P_0 \left[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0} \right] - P_0$ $a+b+c = 1$ <p>Trong đó:</p> $P_1 = \text{Giá phải trả cho nhà thầu sau khi tính trượt giá}$

P_0 = Giá hợp đồng (giá cơ bản)

a = Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%.

b = Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng

c = Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng

L_0, L_1 = Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá

M_0, M_1 = Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa

Trong HSDT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.

Các hệ số a , b , và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:

a = [ghi giá trị hệ số]

b = [ghi giá trị hệ số]

c = [ghi giá trị hệ số]

Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.

Ngày trượt giá = [ghi số tuần] tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).

Điều kiện thực hiện trượt giá:

(i) Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.

(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:

$$Z = Z_0/Z_1$$

Trong đó:

Z_0 = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một

	<p>đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày cơ bản;</p> <p>$Z_1 =$ Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 vào ngày trượt giá.</p> <p>(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].</p>
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: ___ [ghi “Được phép” hoặc “Không được phép”. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi: “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”].</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: ___ [ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng...phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 20 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].</p>
E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán: ___ [căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].</p>
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên</p>

	trong và bên ngoài kiện hàng: ____ [<i>ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết</i>].
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: ____ [<i>ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm</i>].
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: [<i>Chủ đầu tư hoặc ghi “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”; hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)</i>].
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: ____ [<i>mô tả cụ thể các dịch vụ</i>].
E-ĐKC 21	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : ____ [<i>ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng</i>].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : ____ %/tuần (<i>hoặc ngày, tháng...</i>) [<i>ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm</i>] cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến ____ % [<i>ghi mức phạt tối đa</i>]. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt thỏa thuận khung theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: ____ [<i>ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp</i></p>

	<p>dụng”].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
E-ĐKC 22.3	<p>Thời hạn bảo hành là: _____ ngày [ghi số ngày].</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: ____ [ghi tên một hoặc một số địa điểm].</p> <p><i>Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Chủ đầu tư giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Nhà thầu (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Nhà thầu khi hai bên thanh lý hợp đồng).</i></p>
E-ĐKC 22.5 E-ĐKC 22.6	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: _____ ngày [ghi số ngày].</p>

Chương VIII.
THỎA THUẬN KHUNG ĐIỆN TỬ¹

Số:

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ...

Căn cứ E-HSMT, E-HSDT và kết quả lựa chọn nhà thầu....

Hôm nay, ngày tháng năm __[Hệ thống tự động trích xuất], chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung:

Tên Đơn vị mua sắm tập trung: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____ [Chủ đầu tư điện thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

II. Nhà thầu cung cấp hàng hóa:

1. Tên nhà thầu: _____ [Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

2. Tên nhà thầu: _____ [Đơn vị mua sắm tập trung điện thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận khung theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện thỏa thuận khung có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

....

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất và đơn vị mua sắm tập trung được chỉnh sửa*]

Danh mục, số lượng hàng hóa (ký, mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa theo biểu phạm vi cung cấp).

Điều 2. Danh sách các đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu theo thỏa thuận khung này: _____ [*Đơn vị mua sắm tập trung điền thông tin*].

Điều 3. Giá trị thỏa thuận khung:

1. Giá trị thỏa thuận khung: _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*].

2. Đơn giá, giá hàng hóa tương ứng với từng loại hàng hóa tại Điều 1 của Hợp đồng: _____ [*Hệ thống trích xuất và cho phép Đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 4. Phương thức thanh toán

Phương thức thanh toán: _____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung và cho phép đơn vị mua sắm tập trung chỉnh sửa*].

Điều 5. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Thỏa thuận khung này được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau; Đơn vị mua sắm tập trung, Nhà thầu cung cấp hàng hóa (mỗi bên giữ 02 bản); đơn vị có nhu cầu mua sắm (mỗi bên 01 bản).

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng mua sắm hàng hóa với nhà thầu cung cấp hàng hóa./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG
CẤP HÀNG HÓA**
(*xác nhận, chữ ký số*)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẮM
TẬP TRUNG**
(*xác nhận, chữ ký số*)

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối

hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán: _____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa là mua sắm tập trung theo thỏa thuận khung)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*]; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ giữa đơn vị mua sắm tập trung: _____ [*ghi tên đơn vị mua sắm tập trung*] và nhà thầu cung cấp hàng hóa: _____ [*ghi tên nhà thầu cung cấp hàng hóa*]; [*Hệ thống trích xuất thông tin sau khi đơn vị có nhu cầu mua sắm nhập đúng thông tin về số, ngày tháng của thỏa thuận khung*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin nếu có*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm (sau đây gọi là Bên A)

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tên đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Đơn vị có nhu cầu mua sắm ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm

Tên Đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: ____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thỏa thuận khung;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT của thỏa thuận khung]*.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT của thỏa thuận khung]*.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA
SẴM/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)
 [*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC

Các ví dụ

Ví dụ 1: Xác định giá đánh giá của E-HSDT

Ban quản lý dự án X tổ chức đấu thầu mua sắm 100 xe ô tô buýt phục vụ vận chuyển hành khách công cộng trong thành phố. E-HSMT quy định các yếu tố đưa chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá như sau:

1. Chi phí vận hành: Chi phí nhiên liệu được đánh giá trong 4 năm với giả định 1 xe chạy 50.000 km/năm, giá nhiên liệu là 15.000 đồng/lít và hệ số chiết khấu 10%/năm quy về giá trị hiện tại ròng (NPV). Nhà thầu phải chào mức tiêu hao nhiên liệu của xe/100 km.

2. Công suất: Nhà thầu phải chào xe có sức chứa tối thiểu 80 hành khách. Trường hợp có sức chứa lớn hơn, trong quá trình xác định giá đánh giá sẽ được tính giảm trong giá đánh giá 5.000.000 đồng/hành khách

Tại thời điểm mở thầu, có 4 E-HSDT được mở với thông tin như sau:

Nội dung	Nhà thầu A	Nhà thầu B	Nhà thầu C	Nhà thầu D
Đơn giá dự thầu cho 1 xe (triệu đồng)	1.850	2.100	1.970	2.000
Mức tiêu hao nhiên liệu đối với 100 km (lít)	32	25	30	27
Sức chứa tối đa của 1 xe (hành khách)	80	90	85	90

Giả định:

- Các E-HSDT trên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khác của E-HSMT
- Các E-HSDT không có giảm giá
- Vòng đời sử dụng xe buýt là 4 năm.

Cách đưa các chi phí về một mặt bằng như sau:

1. Chi phí vận hành

NPV với hệ số chiết khấu = 10%/năm:

Công thức tính giá trị hiện tại ròng (NPV) là:

$$NPV = \sum_{t=1}^n \frac{C_t}{(1+r)^t}$$

Trong đó:

$$n = 4; r = 10\%;$$

Ct: chi phí nhiên liệu của từng xe theo năm, theo đó: $C_t = \text{mức tiêu hao nhiên liệu/km} \times \text{số km/năm} \times \text{giá nhiên liệu}$

Như vậy: $NPV = C_t \times [1/(1,1) + 1/(1,1 \times 1,1) + 1/(1,1 \times 1,1 \times 1,1) + 1/(1,1 \times 1,1 \times 1,1 \times 1,1)] = C_t \times 3,17$

Theo đó, chi phí vận hành quy về giá trị hiện tại ròng cho 100 xe (với giả định xe chạy 50.000 km/năm, giá nhiên liệu là 15.000 đồng/1 lít và hệ số chiết khấu 10%/năm) được tính như sau:

◆ *Nhà thầu A:*

$$32/100 \times 50.000 \times 15.000 \times 3,17 \times 100 = 76.080 \text{ (triệu đồng)}$$

◆ *Nhà thầu B:*

$$25/100 \times 50.000 \times 15.000 \times 3,17 \times 100 = 59.437,5 \text{ (triệu đồng)}$$

◆ *Nhà thầu C:*

$$30/100 \times 50.000 \times 15.000 \times 3,17 \times 100 = 71.325 \text{ (triệu đồng)}$$

◆ *Nhà thầu D:*

$$27/100 \times 50.000 \times 15.000 \times 3,17 \times 100 = 64.192,5 \text{ (triệu đồng)}$$

2. Công suất

- *Nhà thầu B chào xe có sức chứa lớn hơn 10 hành khách so với yêu cầu, theo quy định của E-HSMT sẽ được tính giảm trong giá đánh giá (cho 100 xe) là: $5 \times 10 \times 100 = 5.000$ (triệu đồng)*

- *Nhà thầu C chào xe có sức chứa lớn hơn 5 hành khách so với yêu cầu, theo quy định của E-HSMT sẽ được tính giảm trong giá đánh giá (cho 100 xe) là: $5 \times 5 \times 100 = 2.500$ (triệu đồng)*

- *Nhà thầu D chào xe có sức chứa lớn hơn 10 hành khách so với yêu cầu, theo quy định của E-HSMT sẽ được tính giảm trong giá đánh giá (cho 100 xe) là: $5 \times 10 \times 100 = 5.000$ (triệu đồng)*

Như vậy, giá đánh giá của các E-HSDT (tính trên 100 xe) như sau:

Đơn vị: triệu đồng

<i>Stt</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Nhà thầu A</i>	<i>Nhà thầu B</i>	<i>Nhà thầu C</i>	<i>Nhà thầu D</i>
<i>1</i>	<i>Giá dự thầu (1)</i>	<i>185.000</i>	<i>210.000</i>	<i>197.000</i>	<i>200.000</i>
<i>2</i>	<i>Chi phí vận hành (2)</i>	<i>76.080</i>	<i>59.437,5</i>	<i>71.325</i>	<i>64.192,5</i>
<i>3</i>	<i>Công suất (3)</i>	<i>0</i>	<i>-5.000</i>	<i>-2.500</i>	<i>-5.000</i>
<i>4</i>	<i>Giá đánh giá (1+2+3)</i>	<i>261.080</i>	<i>264.437,5</i>	<i>265.825</i>	<i>259.192,5</i>
	<i>Xếp hạng</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>1</i>